



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 21/2022**  
Từ 30/5 - 03/6/2022

**TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

\*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA  
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

**BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY**

\*

TRUNG TÂM THÔNG TIN  
BỘ NỘI VỤ

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT  
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

**ĐIỆN THOẠI**

024.62821016

**EMAIL**

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

**WEBSITE**

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

**CHỦ TỊCH NƯỚC:**

**CẢI CÁCH, ĐỔI MỚI BỘ MÁY NHÀ NƯỚC  
CẦN ĐẠT LỢI ÍCH ĐẠI CỤC CỦA QUỐC GIA, DÂN TỘC,  
NHÂN DÂN LÊN TRÊN HẾT**

Chiều ngày 31/5, tại Hà Nội, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Trưởng ban Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” chủ trì phiên họp thứ 3 Ban Chỉ đạo.



Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Trưởng Ban chỉ đạo phát biểu - Ảnh: TTXVN

Phát biểu tại phiên họp, Chủ tịch nước nêu rõ, phiên họp lần thứ 3 của Ban Chỉ đạo đã diễn ra sôi nổi, thiết thực với nhiều ý kiến phát biểu thảo luận thẳng thắn, tâm huyết, trách nhiệm, có chất lượng, làm rõ được nhiều nội dung mà dự thảo lần thứ hai của Đề án nêu ra, nhất là ý kiến về dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và 15 vấn đề cốt lõi, quan trọng còn có ý kiến khác nhau để đưa vào dự thảo Đề án.

Nhìn chung, các thành viên Ban Chỉ đạo đều đánh giá rất cao sự nỗ lực, cố gắng của Tổ biên tập và Ban Nội chính Trung ương, đặc biệt là các chuyên gia, nhà khoa học trong hơn một tháng qua. Đánh giá cao và cơ bản thống nhất với ý kiến phát biểu tại phiên họp và trên cơ sở ý kiến của thành viên Ban Chỉ đạo, Chủ tịch nước tóm tắt lại một số vấn đề cùng thống nhất.

Dự thảo Đề án đã thể hiện rõ nét, nhất quán tinh thần mà Ban Chỉ đạo đã quán triệt, đó là việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và nhằm bảo đảm thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng tốt hơn. Bộ máy Nhà nước là bộ máy kiên quyết chống tham nhũng, để không muốn, không thể, không dám, không cần tham nhũng; bộ máy công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm chính quyền các cấp.

Điều này thể hiện trong quan điểm và nhiệm vụ, giải pháp ở cả 2 giai đoạn từ nay đến năm 2030 và từ năm 2030 định hướng đến năm 2045. Từ nay đến năm 2030 bám sát Cương lĩnh và Hiến pháp năm 2013 để hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện cho tốt tinh thần của Cương lĩnh và quy định của Hiến pháp. Sau năm 2030 đến năm 2045 đưa ra các định hướng liên quan đến đề xuất sửa đổi, bổ sung Cương lĩnh và Hiến pháp để đáp ứng đầy đủ các giá trị, đặc trưng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đối với các vấn đề trọng tâm xin chỉ đạo định hướng và theo yêu cầu của thành viên Ban Chỉ đạo trong phiên họp thứ hai, Chủ tịch nước nhấn mạnh, dưới sự chủ trì của đồng chí Phan Đình Trạc, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ biên tập xây dựng đề án đã tổ chức tọa đàm, thảo luận với sự tham gia của đại diện các cơ quan liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học. Đây là cách làm rất khoa học để tạo điều kiện cho việc trao đổi, tranh luận, thảo luận, phản biện giữa tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn, từ đó định hướng được những nội dung cần đưa vào Dự thảo Đề án để tham mưu cho Ban Chỉ đạo.

Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cho rằng bất kỳ sự cải cách, đổi mới nào cũng có những rào cản cần phải vượt qua, trong đó rào cản liên quan đến lợi ích cục bộ thường là rất lớn, rất khó khăn. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ lịch sử cao cả, là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị (theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra), vì đất nước giàu mạnh, vì hạnh phúc của Nhân dân, vì lợi ích của toàn dân tộc. Do đó, khi bàn về những chính sách, quan điểm cải cách, đổi mới có ảnh hưởng đến lợi ích cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, cần đặt lợi ích đại cục của quốc gia, dân tộc, Nhân dân là trên hết; quán triệt sâu sắc quan điểm quyền lực nhà nước là của Nhân dân, do Nhân dân giao phó.

Mặt khác, chúng ta đặt ra mục tiêu cải cách không chỉ cho nhiệm kỳ này hay nhiệm kỳ sau mà là cho tương lai lâu dài của đất nước. Cải cách, đổi mới bộ máy nhà nước là để phân công lại việc thực thi quyền lực đó một cách hợp lý, hiệu quả hơn, có điều kiện để kiểm soát tốt hơn, dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng. Chủ tịch nước lưu ý cần quán triệt tinh thần này trong quá trình xây dựng Đề án, nhất là đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, với tinh thần trách nhiệm, phát huy dân chủ để thống nhất và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã giao.

*Nguồn: ttXVN*



## CHỈ THỊ, CHỈ ĐẠO CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

**\* Ngày 30/5/2022, thay mặt Thủ tướng, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái ký ban hành Chỉ thị số 7/CT-TTg về việc tăng cường công tác thống kê Nhà nước.**

Chỉ thị nêu rõ: Trong những năm qua, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về thống kê ngày càng được tăng cường. Hoạt động thống kê Nhà nước từng bước được thực hiện nhịp nhàng, đồng bộ giữa Cơ quan Thống kê Trung ương với thống kê Bộ, ngành và địa phương. Hệ thống tổ chức thống kê được kiện toàn từ Trung ương đến địa phương theo hướng chuyên môn hóa. Thể chế pháp lý về thống kê được hoàn thiện bảo đảm cơ sở pháp lý cho thống kê hoạt động và phát triển, đặc biệt khi Quốc hội khóa XV thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê. Chất lượng thông tin thống kê ngày càng được nâng cao và bảo đảm thông tin phục vụ kịp thời yêu cầu của các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các ngành và địa phương trong công tác hoạch định, điều hành chính sách vĩ mô, thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước và giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống kinh tế - xã hội. Hợp tác quốc tế về thống kê được đẩy mạnh, từng bước vững chắc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê quốc tế. Phần lớn thông tin thống kê được biên soạn theo chuẩn mực thống kê quốc tế và được các tổ chức quốc tế công nhận, sử dụng. Công tác chuyển đổi số trong hoạt động thống kê được quan tâm thực hiện.

Tuy nhiên, trước nhu cầu thông tin thống kê ngày càng lớn với yêu cầu chất lượng cao, tần suất nhanh, tập trung nhiều vào các chỉ tiêu phản ánh chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, kinh tế số, phát triển bền vững, công tác thống kê Nhà nước vẫn còn những hạn chế, tồn tại như: Nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác thống kê còn thấp, nhận thức về công tác thống kê của người đứng đầu các cấp chính quyền chưa được coi trọng, chưa đúng tầm; số liệu thống kê chưa thống nhất về phạm vi, chưa kịp thời; công tác phân tích, sử dụng số liệu thống kê chưa đạt hiệu quả cao; việc bố trí nhân lực làm công tác thống kê còn hạn chế về số lượng và chất lượng; sự phối hợp trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu hành chính giữa Cơ quan Thống kê Trung ương với bộ, ngành thực hiện chưa hiệu quả; một số Bộ, ngành và địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác thống kê và sử dụng thông tin thống kê do Tổng cục Thống kê công bố trong chỉ đạo, điều hành; thời gian xử lý, tổng hợp, báo cáo kết quả một số cuộc điều tra còn kéo dài.

Để khắc phục những hạn chế, tồn tại nêu trên và tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác thống kê Nhà nước, bảo đảm thông tin thống kê đầy đủ, toàn diện, khách quan, trung thực, chính xác, kịp thời, thường xuyên, liên tục, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác thống kê trong toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt là người đứng đầu ở các cấp chính quyền, địa phương.

## **Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành**

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành; triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được phân công trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Từng Bộ, ngành theo lộ trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện cho từng năm đối với mỗi hoạt động cụ thể; nâng cao hiệu quả phối hợp công tác trong hoạt động thống kê giữa các Bộ, ngành với Cơ quan Thống kê Trung ương, giữa Bộ, ngành với địa phương trong việc sản xuất, cung cấp, phổ biến và chia sẻ thông tin thống kê nhằm thiết lập hệ thống thông tin thống kê quốc gia đồng bộ, thống nhất, thông suốt và hiệu quả giữa hệ thống thống kê tập trung với thống kê bộ, ngành, địa phương.

Thực hiện nghiêm túc việc cung cấp số liệu định kỳ cho Cơ quan Thống kê Trung ương để kịp thời biên soạn số liệu, báo cáo kinh tế - xã hội hàng tháng, hàng quý, hàng năm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính giữa bộ, ngành với Cơ quan Thống kê Trung ương nhằm khai thác hiệu quả dữ liệu hành chính cho mục đích thống kê Nhà nước; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ việc khai thác và chia sẻ dữ liệu thống kê trong từng bộ, ngành cũng như kết nối giữa các Bộ, ngành, địa phương với hệ thống thống kê tập trung.

## **Nâng cao chất lượng và chuyển đổi số hoạt động thống kê**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành: Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP) trong tháng 5/2022; Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia trong tháng 12/2022; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia trong tháng 6/2022; Quyết định ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong tháng 7/2022; cập nhật và hoàn thiện các hình thức thu thập thông tin đầu vào, đặc biệt chú trọng đến việc khai thác, sử dụng thông tin thống kê từ dữ liệu hành chính, dữ liệu từ hồ sơ đăng ký hành chính từ các bộ, ngành và địa phương; đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu các hình thức thu thập thông tin mới như dữ liệu lớn, dữ liệu mở,...

Rút ngắn thời gian thu thập, tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê nhằm cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đổi mới các hình thức công bố, phổ biến thông tin thống kê.

Tiếp tục nâng cao chất lượng thông tin thống kê, cập nhật kịp thời các thông tin, kịch bản tăng trưởng kinh tế, lạm phát, đặc biệt là công tác phân tích dự báo, phân tích chuyên sâu về mô hình tăng trưởng, hoạt động kinh tế mới để phục vụ kịp thời, hiệu quả hơn trong công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương.

Đẩy nhanh quá trình ứng dụng kỹ thuật số vào công tác thống kê; triển khai đồng bộ tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê; xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, đồng bộ về thông tin thống kê từ trung ương đến địa phương; xây

dựng hệ thống báo cáo điện tử thống nhất từ trung ương đến địa phương, từ sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện đến thống kê tập trung cấp tỉnh, cấp huyện, trong đó tập trung vào các chỉ tiêu có tần suất nhanh (tháng, quý).

Đẩy mạnh việc khai thác, sử dụng dữ liệu hành chính cho mục đích thống kê, trong đó tập trung khai thác các dữ liệu liên quan đến thu, chi ngân sách, thuế, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh cá thể, đăng ký về cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng, dữ liệu quốc gia về dân cư,...; tập trung nghiên cứu phương pháp thống kê mới hiện đại; đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng trong hoạt động thống kê bảo đảm Thống kê Việt Nam áp dụng theo các tiêu chuẩn, chuẩn mực thống kê quốc tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động thu thập, tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê phục vụ quản lý điều hành trên địa bàn; thống nhất sử dụng số liệu thống kê Nhà nước do cơ quan thống kê công bố; chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê để tổ chức tốt các hoạt động thống kê trên địa bàn như: Tích cực chia sẻ dữ liệu, cung cấp thông tin hành chính cho ngành Thống kê; nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ, đúng biểu mẫu, thời gian theo quy định; phối hợp thực hiện các cuộc điều tra thống kê nhằm nâng cao chất lượng số liệu thống kê phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo địa phương,... Tiếp tục củng cố nhân lực làm thống kê tại sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đáp ứng yêu cầu, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của sở, ban, ngành và chức danh công chức thống kê chuyên trách thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

**\* Ngày 30/5, thay mặt Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã ký ban hành Quyết định số 654/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 với quan điểm: Bảo đảm mọi người dân trên cả nước đều có quyền được tiếp cận và sử dụng dịch vụ bưu chính phổ cập thường xuyên, ổn định, với chất lượng và giá cước hợp lý.**

Chiến lược đặt mục tiêu đến năm 2025, 100% hộ gia đình có Địa chỉ số; phấn đấu 100% hộ sản xuất nông nghiệp tham gia giao dịch trên các sàn thương mại điện tử do doanh nghiệp bưu chính Việt Nam sở hữu; phấn đấu 100% sản phẩm giao dịch trên sàn thương mại điện tử do doanh nghiệp bưu chính Việt Nam sở hữu phải được gắn thương hiệu, có truy xuất nguồn gốc.

Phấn đấu 100% điểm phục vụ bưu chính có khả năng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Việt Nam thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu theo đánh giá xếp hạng của Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU)...

Một trong các nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược là phát triển hạ tầng bưu chính. Theo đó, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, vận hành và chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng bưu chính.

Về hạ tầng mạng lưới, xây dựng các Trung tâm bưu chính vùng, khu vực có tích hợp các giải pháp công nghệ hiện đại để tối ưu hóa hoạt động giao nhận vận chuyển cho hoạt động thương mại điện tử, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia về logistics; phát triển và duy trì

hoạt động ổn định mạng điểm phục vụ bưu chính rộng khắp cả nước; phát triển các bưu cục thông minh cung cấp dịch vụ bưu chính số.

Khuyến khích doanh nghiệp bưu chính sở hữu phương tiện vận tải hàng không; đẩy mạnh khai thác mạng bưu chính công cộng để người dân, nhất là các đối tượng yếu thế trong xã hội được tiếp cận các dịch vụ bưu chính, dịch vụ số của Chính phủ.

Về hạ tầng số, hoàn thiện nền tảng Địa chỉ số Việt Nam gắn với bản đồ số quốc gia phục vụ cho phát triển thương mại điện tử và kinh tế số; hình thành công dữ liệu quốc gia về bưu chính; thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn, hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở.

Phát triển các sàn thương mại điện tử của doanh nghiệp bưu chính Việt Nam để các hộ sản xuất nông nghiệp và người dân có thể giao dịch mua bán sản phẩm, hàng hóa trên môi trường số.

Xây dựng các nền tảng quản lý, vận hành kho bãi, chuyển phát... kết nối giữa chủ hàng, các doanh nghiệp bưu chính và khách hàng.

Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp bưu chính đầu tư, phát triển hạ tầng số có ứng dụng các công nghệ hiện đại của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Về hạ tầng dữ liệu, xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong lĩnh vực bưu chính; ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) trong việc xây dựng, lưu trữ dữ liệu bưu chính, cho phép sử dụng chung.

Nhiệm vụ và giải pháp khác của Chiến lược là phát triển dịch vụ bưu chính. Theo đó, phát triển thị trường bưu chính theo hướng bảo đảm cung cấp công bằng, ổn định, có chất lượng các dịch vụ bưu chính công ích tới mọi người dân; mở rộng hệ sinh thái, mở rộng không gian hoạt động mới, thúc đẩy phát triển kinh tế số và tham gia góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Trong đó, mở rộng phạm vi dịch vụ bưu chính công ích, trong đó tập trung mở rộng phạm vi dịch vụ bưu chính phổ cập; bảo đảm cung cấp dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và thời gian (liên tục 24 giờ trong một ngày và 7 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết).

Với nhóm dịch vụ bưu chính cạnh tranh (ngoài phạm vi công ích), phát triển các dịch vụ hoàn tất đơn hàng cho thương mại điện tử và giao hàng chặng cuối cho logistics, chuỗi cung ứng.

Sử dụng nền tảng tích hợp các dịch vụ bưu chính truyền thống đáp ứng tối đa các nhu cầu của khách hàng trong kỷ nguyên số nhằm tăng doanh thu, nâng cao chất lượng hiệu quả; tự động hoá, thông minh hóa, tối ưu hoá các quy trình xử lý công việc, mở rộng thị trường và tăng doanh thu lĩnh vực bưu chính.

**\* Ngày 01/6, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 3381/VPCP-KSTT thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam về việc thực hiện quy trình liên thông điện tử.**

Theo Công văn số 3381/VPCP-KSTT, xét đề xuất của Văn phòng Chính phủ và ý kiến các Bộ, ngành, địa phương liên quan đối với hai nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh,

đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng, hưởng mai táng phí, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam có ý kiến chỉ đạo như sau:

Trên cơ sở quy trình liên thông hai nhóm thủ tục hành chính do Văn phòng Chính phủ chủ trì xây dựng, Bộ Công an khẩn trương xây dựng phần mềm liên thông theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 70/TB-VPCP ngày 11/3/2022 của Văn phòng Chính phủ; đồng thời, phối hợp với các Bộ, địa phương thực hiện triển khai thí điểm ở quy mô phù hợp để hoàn thiện trước khi triển khai quy mô toàn quốc đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

*Nguồn: baocinhphu.vn*

## KHÔNG ĐỀ TRÙNG LẤP, CHỖNG CHÉO CÁC LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Tiếp tục chương trình kỳ họp thứ 3, chiều ngày 31/5, Quốc hội thảo luận tại tổ về Dự thảo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

### **Bổ sung quy định về dân thụ hưởng, dân giám sát**

Dự thảo Luật được trình Quốc hội lần đầu, gồm 7 Chương và 74 Điều, quy định về nội dung, hình thức, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Góp ý về dự thảo luật, đại biểu Nguyễn Minh Hoàng (đoàn TP. Hồ Chí Minh) cho rằng, luật nhằm thể hiện rõ và đầy đủ phương châm của Đảng là "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", nhưng trong dự thảo luật, quan điểm dân thụ hưởng chưa rõ, chưa cụ thể. Về thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn, đại biểu đề nghị cần bổ sung những quy định mà người dân được giám sát chính quyền địa phương thông qua các cơ quan truyền thông đại chúng và cơ quan Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể. Cũng cần quy định về thời gian, trách nhiệm giải trình của chính quyền, cơ quan, tổ chức nhằm bảo đảm hiệu quả việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

"Quan điểm về khái niệm cơ sở cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, rõ ràng hơn để đưa ra một khái niệm phổ quát hơn, khả thi hơn trong thực hiện, để khi luật này ra đời sẽ phát huy dân chủ của người dân. Chế tài xử phạt khi không thực hiện dân chủ ở cơ sở cũng cần rõ hơn", đại biểu Nguyễn Minh Hoàng đề nghị.

Đại biểu Nguyễn Thị Lệ, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh đề nghị thể chế hóa rõ hơn quan điểm của Đảng về thực hiện dân chủ ở cơ sở một cách cụ thể, rõ ràng, chú trọng nội dung tăng cường đối thoại với dân.

Đại biểu Nguyễn Thị Lệ cũng đề nghị bổ sung quyền của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện dân chủ ở cơ sở. Song song với đó, cần cấm hành vi xúc phạm nhân phẩm, uy tín của tổ chức, cá nhân trên không gian mạng. Bổ sung chế tài xử phạt với những hành vi thông tin sai sự



thật trên không gian mạng. Bộ sung quy định cơ quan có thẩm quyền phải thông tin lại cho người dân những nội dung nào tiếp thu, nội dung nào không tiếp thu sau khi người dân đã góp ý kiến; trách nhiệm về giải trình của cơ quan có thẩm quyền với dân, với báo chí.

Về quy định về thực hiện dân chủ trong các doanh nghiệp, nhiều đại biểu Quốc hội đều cho rằng, đây là vấn đề khó thực hiện, nên cần làm rõ, để làm sao luật ra đời thì khả thi, không phải ban hành cho có. Đại biểu Nguyễn Minh Hoàng cho rằng, chỉ nên tập trung thực hiện ở doanh nghiệp nhà nước nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản nhà nước, phòng chống tham nhũng.

### **Dân chủ ở doanh nghiệp nên làm như thế nào cho phù hợp?**

Đại biểu Nguyễn Thiện Nhân, nguyên Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh cho rằng, dân chủ ở cơ sở là vấn đề từng người dân, từng tổ chức quan tâm. Tuy nhiên, đại biểu băn khoăn việc thực hiện ở doanh nghiệp và nêu câu hỏi: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có làm không, có bắt buộc họ phải làm không? Việc này cần có khảo sát ý kiến của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, hiệp hội doanh nghiệp, sau đó ghi rõ trong luật, không nói chung chung.

Là cơ quan chủ trì soạn thảo luật này, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, mục đích của dự án luật này là nhằm thể chế hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đó là "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"; hoàn thiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Đồng thời, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động và trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở, cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp; khắc phục những hạn chế, bất cập phát sinh trong thực tiễn. "Đây không phải là những vấn đề mới, mà có tính kế thừa lịch sử. Chúng ta cũng đã thực hiện dân chủ ở cơ sở, nhưng luật ra đời sẽ tiếp tục phát huy. Đây là dự án luật khó, yêu cầu phải bao trùm hết mọi người dân, phải trở thành động lực cho sự phát triển", Bộ trưởng phát biểu.

Theo Bộ trưởng, có đến hơn 20 luật có liên quan đến vấn đề dân chủ ở cơ sở, nên phải tính toán khoa học để không trùng lặp, chồng chéo với các luật khác, không vi phạm các cam kết quốc tế, đồng thời bảo đảm dễ thực hiện, nếu không, luật sẽ không khả thi.

Ý kiến các đại biểu Quốc hội đều băn khoăn là dân chủ ở doanh nghiệp nên làm như thế nào cho phù hợp? Nhiều ý kiến cho rằng chỉ nên quy định thực hiện dân chủ cơ sở ở doanh nghiệp nhà nước, các khu vực doanh nghiệp khác thì không. "Ban soạn thảo đưa vào dự thảo như vậy để lấy ý kiến đại biểu Quốc hội. Có thể tính toán để thực hiện ở mức độ nhất định ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước mà bảo đảm không vi phạm các cam kết quốc tế", Bộ trưởng nói. Ban soạn thảo sẽ nghiên cứu để bảo đảm tính khả thi, nhưng quan điểm của Bộ trưởng là không nên chỉ thực hiện ở doanh nghiệp nhà nước.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*



## BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ VỀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ THÁNG 5/2022

Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ "về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025" (Báo cáo số 75/BC-BTTTT ngày 01/6/2022) cho thấy số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên trực liên thông văn bản quốc gia trong tháng 5 năm 2022 là 550.787 văn bản (Gửi: 118.781 văn bản, nhận 432.006 văn bản); gấp 1,8 lần so với cùng kỳ năm ngoái.

Về công tác chỉ đạo, điều hành, Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh tổ chức triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Công an thúc đẩy ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong quá trình chuyển đổi số ngành Ngân hàng; giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số theo Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 và kết luận tại phiên họp thứ hai (ngày 27/4/2022) của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số; chỉ đạo các nhà mạng phát triển hạ tầng số, có chính sách chuyển nhanh các thuê bao sang sử dụng máy điện thoại thông minh; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương huy động, thuê chuyên gia về chuyển đổi số đối với các nhiệm vụ yêu cầu tính chuyên nghiệp mà cơ quan nhà nước thiếu nhân lực; khẩn trương xem xét, giải quyết việc cấp bằng tần số vô tuyến điện cho Bộ Công an.

Ngày 26/4, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia; Ngày 27/4/2022, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã chủ trì phiên họp trực tuyến lần thứ hai của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số nhằm đánh giá kết quả triển khai chuyển đổi số trong Quý I năm 2022, xác định các khó khăn, vướng mắc, các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm cần quyết liệt chỉ đạo, triển khai nhằm tạo ra những đột phá về chuyển đổi số quốc gia giai đoạn tới; Ngày 11/5/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 569/QĐ-TTg ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ định hướng tập trung thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông; Ngày 20/5/2022, Bộ thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 922/QĐ-BTTTT phê duyệt Đề án "Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia".

Về xây dựng, hoàn thiện thể chế, sau khi Chính phủ thông qua hồ sơ xây dựng Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 07/3/2022, Bộ Công an đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định về các nội dung liên quan tại kỳ họp gần nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hiện đang tiếp tục phối hợp với Bộ Tư pháp nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định. Trên cơ sở hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an gửi ngày 16/5/2022, ngày 20/5/2022, Bộ Tư pháp tổ chức thẩm định đối với dự thảo Nghị định.

Về xây dựng nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, tính đến ngày 25/5/2022, tổng số giao dịch thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia trong tháng 5 năm 2022 là 32.873.589, tăng hơn 28 lần so với cùng kỳ tháng 5 năm 2021; tổng số giao dịch thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia từ khi khai trương đến nay là 440.856.436; trong tháng 5, trung bình hằng ngày có khoảng 1,3 triệu giao dịch thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

Về cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Bộ Công an đã vận hành chính thức Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ ngày 01/7/2021. Ngày 06/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tại Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 03/5/2022 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2022, Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện Đề án 06/CP, nhiệm vụ phải hoàn thành trong tháng 5/2022 về kết nối chia sẻ, xác thực thông tin công dân với Cổng Dịch vụ công quốc gia và với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đối với cơ sở dữ liệu về bảo hiểm, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tiếp tục tiến hành làm sạch, đồng bộ dữ liệu, bổ sung thông tin để làm giàu thêm cơ sở dữ liệu chuyên ngành Bảo hiểm xã hội, sẵn sàng cung cấp dữ liệu cho cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; phối hợp với Bộ Công an thực hiện xác thực thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua số chứng minh nhân dân để đối chiếu, đồng bộ (lấy) số căn cước công dân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sang cơ sở dữ liệu của bảo hiểm xã hội; bảo hiểm xã hội đã có các văn bản gửi bộ, ngành, địa phương đề nghị phối hợp kê khai mã số bảo hiểm xã hội, số định danh cá nhân/căn cước công dân khi nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nhằm triển khai các nhiệm vụ trong Đề án 06; tiếp tục kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa bảo hiểm xã hội với các bộ, ngành để cung cấp các dịch vụ.

Còn đối với cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc, tính đến ngày 20/5/2022, Hệ thống đã có 23.574.327 dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có 7.272.422 trẻ em được cấp số định danh cá nhân theo quy định; 4.805.992 dữ liệu đăng ký kết hôn; 3.443.340 dữ liệu đăng ký khai tử; 6.913.525 dữ liệu khác.

**Về xây dựng các hệ thống thông tin đổi mới lề lối, phương thức làm việc, phục vụ người dân, doanh nghiệp**

Số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trong tháng 5 năm 2022 là 550.787 văn bản (Gửi: 118.781 văn bản, nhận 432.006 văn bản); gấp 1,8 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Từ khi khai

trương (12/3/2019) đến nay Hệ thống có tổng số hơn 11,8 triệu văn bản điện tử được gửi và nhận giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên Trục liên thông văn bản quốc gia.

Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet): Trong tháng đã phục vụ 01 phiên họp Chính phủ và xử lý 31 Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế hơn 7,6 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy). Tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ 53 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 1.163 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế gần 419 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy).

Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Hệ thống đã kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có chức năng báo cáo của 75 bộ, cơ quan, địa phương; đã cung cấp thông tin, dữ liệu của 15 chế độ báo cáo trên Hệ thống; 152/200 chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Quyết định số 293/QĐ-TTg; kết nối 37 chỉ tiêu thông tin dữ liệu trực tuyến; Xây dựng kho dữ liệu tổng hợp với trên 300 chỉ tiêu kinh tế - xã hội; 250 bảng hiển thị dữ liệu cho các chỉ tiêu. Tiếp tục phối hợp với các chuyên gia và các bộ, ngành xây dựng và hiển thị 16 nhóm chỉ tiêu phục vụ chỉ đạo điều hành hằng ngày, hằng tháng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; rà soát, hoàn thiện dự thảo Quy chế quản lý vận hành và khai thác Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp: Tính đến ngày 25/5/2022, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện đưa lên mức độ 4 là 97,3% (chiếm 52,59% tổng số thủ tục hành chính); Từ ngày 21/4/2022 đến ngày 20/5/2022, Cổng dịch vụ công quốc gia đã có trên 125 nghìn tài khoản đăng ký; trên 4,7 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; trên 264 nghìn lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích từ Cổng; trên 272 nghìn hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; trên 90 nghìn giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 303 tỷ đồng. Đến nay đã cung cấp 3.665 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; đã có hơn 1,74 triệu tài khoản đăng ký; hơn 114,4 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn 5,1 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích; hơn 3,7 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn 867 nghìn giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 1.631 tỷ đồng; hơn 159 nghìn cuộc gọi tới tổng đài tư vấn.

Về việc xây dựng Chính phủ điện tử gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân: Trong tháng 5 năm 2022, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý 847 cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam; giảm 9,70% so với tháng 4 năm 2022.

*Manh Tuyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*

## NGÀNH XÂY DỰNG: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thời gian qua, Bộ Xây dựng đã kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số ngành Xây dựng, ban hành các Chương trình, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành Xây dựng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, định hướng của Đảng, Chính phủ về chuyển đổi số quốc gia...

Những kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của ngành Xây dựng trong thời gian qua đã góp phần tích cực trong việc nâng cao năng lực quản lý nhà nước, công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính, tạo thuận lợi giải quyết thủ tục hành chính cho công dân và doanh nghiệp...

Tuy nhiên, chuyển đổi số của ngành Xây dựng vẫn đang trong giai đoạn tạo lập dữ liệu số, hoàn chỉnh các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và hướng tới cung cấp dịch vụ công thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp. Chưa có bước đột phá trong việc ứng dụng các công nghệ số để thúc đẩy triển khai phát triển Chính phủ số, làm nền tảng cho phát triển kinh tế số, xã hội số. Việc kết nối, chia sẻ tài nguyên dữ liệu số ngành Xây dựng với các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan chậm được triển khai.

Để đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số của ngành, hướng tới phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Bộ trưởng Bộ Xây dựng yêu cầu: Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ nghiêm túc quán triệt và tổ chức thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1004/QĐ-BXD ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt “Kế hoạch chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 1557/QĐ-BXD ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan Bộ Xây dựng năm 2022.

Trung tâm Thông tin khẩn trương tập trung triển khai các nhiệm vụ: Xây dựng, hoàn thiện Khung quản lý, quản trị dữ liệu số ngành Xây dựng nhằm mục tiêu quy định về các hoạt động quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số bao gồm: Quản lý, quản trị dữ liệu số; kết nối, chia sẻ dữ liệu số; sử dụng, khai thác dữ liệu số của cơ quan nhà nước ngành Xây dựng; cung cấp dữ liệu mở ngành Xây dựng cho tổ chức, cá nhân; quyền và trách nhiệm trong kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ.

Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung Bộ Xây dựng kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các Bộ, ngành, địa phương nhằm chia sẻ dữ liệu, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp.



Xây dựng, hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung ngành Xây dựng; nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp để sớm triển khai xây dựng Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số của Bộ Xây dựng.

Nâng cấp, phát triển hạ tầng số; triển khai các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin trong kết nối các hệ thống thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ Chính phủ số Bộ Xây dựng. Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ. Phát triển nền tảng hợp và làm việc trực tuyến của Bộ Xây dựng, các đơn vị trực thuộc Bộ để có thể sử dụng dùng chung toàn ngành.

Tích hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ với Hệ thống định danh và xác thực điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Cơ sở dữ liệu quốc gia khác có liên quan nhằm tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.

Phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu các công nghệ mới, hiện đại trong việc triển khai xây dựng các giải pháp, ứng dụng phục vụ chuyển đổi số ngành Xây dựng.

Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực được giao, chủ động tiến hành rà soát, nghiên cứu, đề xuất ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển đổi số của ngành Xây dựng; ưu tiên chuyển đổi số các quy trình, thông tin dữ liệu đem lại hiệu quả ngay cho công tác quản lý điều hành của ngành Xây dựng và của đơn vị; bố trí nguồn lực phù hợp cho công tác chuyển đổi số, đồng thời đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm nguồn vốn đầu tư, tránh việc đầu tư mua sắm trùng lặp trong việc nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm, dữ liệu.

Phối hợp với Trung tâm Thông tin tập trung triển khai, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành xây dựng; Nghiên cứu sửa đổi các chỉ tiêu, chế độ báo cáo, thống kê ngành Xây dựng theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để ứng dụng hiệu quả công nghệ số...

Khẩn trương hoàn thành kết nối và chia sẻ thông tin cấp giấy phép xây dựng trực tuyến; cung cấp thông tin quy hoạch; thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua với Cổng dịch vụ công do Bộ Xây dựng đã triển khai và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Phối hợp với Trung tâm Thông tin - Bộ Xây dựng và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ trong việc cập nhật thông tin, dữ liệu lên Hệ thống thông tin Thống kê xây dựng, Hệ thống thông tin về Nhà ở và thị trường bất động sản kịp thời, chính xác.

Các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng: Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh. Tăng cường đổi mới công nghệ, ứng dụng các công nghệ hiện đại trong các lĩnh vực thiết kế, thi công, sản xuất vật liệu xây dựng đảm bảo nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Trung tâm Thông tin là đầu mối, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ các đơn vị triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số của ngành Xây dựng. Định kỳ hàng quý báo cáo Bộ trưởng và Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số Bộ Xây dựng về việc thực hiện Chỉ thị này.

Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng, cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng tăng cường công tác truyền thông, mở chuyên mục chuyển đổi số trên các ấn phẩm thông tin, kịp thời nêu gương các tập thể, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo...

*Nguồn: baoxaydung.com.vn*

## **ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM DỊCH VỤ CÔNG MỨC ĐỘ 4 ĐẦU TIÊN VÀ DUY NHẤT CỦA BỘ TƯ PHÁP HIỆN NAY**

Việc cung cấp dịch vụ công tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm (Bộ Tư pháp), là dịch vụ công mức độ 4 đầu tiên và duy nhất của Bộ Tư pháp, mang lại hiệu quả, tác động tích cực đáng ghi nhận đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Sau quá trình nhiều năm cố gắng, nỗ lực, chủ động nghiên cứu, đề xuất, áp dụng các giải pháp nhằm cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải tàu bay, tàu biển), đến nay thực tế đã chứng minh, việc cung cấp dịch vụ công tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm (Bộ Tư pháp), là dịch vụ công mức độ 4 đầu tiên và duy nhất của Bộ Tư pháp, mang lại hiệu quả, tác động tích cực đáng ghi nhận đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### **Sau 20 năm, khối lượng công việc được giải quyết tăng gấp 273 lần**

Kể từ khi triển khai công tác đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm (BPBD) bằng động sản tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản; cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu và tài khoản đăng ký trực tuyến theo yêu cầu của người dân, doanh nghiệp, Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm đã chủ động, tích cực phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan thuộc Bộ, các bộ, cơ quan liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Kết quả thực hiện nhiệm vụ đã góp phần tạo bước đột phá về cải cách thủ tục hành chính, về cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trong phạm vi của Bộ Tư pháp nói riêng, của Chính phủ nói chung.

Song song với đó, thực hiện công cuộc cải cách toàn diện, sâu sắc, triệt để cả về thể chế, cơ sở vật chất, phương thức và nhân sự quản lý, Cục Đăng ký luôn thực hiện việc cải cách thủ tục hành chính trong công tác đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm đơn giản, khoa học phù hợp với thông lệ quốc tế và ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, có tính liên kết, tích hợp, tự động hóa cao. Ngay từ những ngày đầu thành lập đến trước năm 2012, Cục Đăng ký đã kịp thời tham mưu cho Lãnh đạo Bộ xây dựng phần mềm đăng ký giao dịch bảo

đảm và thực hiện hiệu quả việc ứng dụng phần mềm này tại các Trung tâm Đăng ký (Hà Nội năm 2002, TP. Hồ Chí Minh năm 2002, TP. Đà Nẵng năm 2004).

Giai đoạn từ ngày 19/3/2012 đến ngày 10/7/2017, Hệ thống đăng ký trực tuyến giao dịch bảo đảm bằng động sản (không phải tàu bay, tàu biển) ở mức độ 3 đã chính thức được vận hành để áp dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc. Giai đoạn từ ngày 10/7/2017 đến nay, Cục Đăng ký chính thức vận hành Hệ thống đăng ký trực tuyến ở mức độ 4 về dịch vụ công trực tuyến (mức độ cao nhất trong cung cấp dịch vụ công của Chính phủ). Đồng thời, năm 2020, Cục Đăng ký đã phối hợp với một số đơn vị liên quan thực hiện việc kết nối, đồng bộ trạng thái hồ sơ lên Cổng dịch vụ công của Bộ Tư pháp, Cổng dịch vụ công quốc gia.

Với việc triển khai Hệ thống đăng ký trực tuyến về biện pháp bảo đảm, các tổ chức, cá nhân trong xã hội khi nhận bảo đảm bằng tài sản hoặc nhận chuyển nhượng (mua) tài sản thì có thể dễ dàng tra cứu thông tin về việc tài sản đang được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ khác và biết được ai là người nhận bảo đảm đối với tài sản đó. Để có được thông tin, các tổ chức, cá nhân không phải trực tiếp đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký để tra cứu thông tin về tài sản. Việc tra cứu dữ liệu thông tin được thực hiện hoàn toàn qua mạng Internet, thủ tục tra cứu thông tin đã được đơn giản hóa, thuận tiện, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp và không làm phát sinh sự nhúng nhuyễn, tiêu cực từ phía các cơ quan nhà nước.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế của Việt Nam trong những năm qua, hoạt động đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải tàu bay, tàu biển) tại các Trung tâm Đăng ký không ngừng lớn mạnh. Số liệu thống kê cho thấy, số lượng Phiếu yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký có sự phát triển, tăng trưởng ổn định qua các năm, năm sau luôn tăng so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt tăng mạnh từ năm 2012 khi Hệ thống đăng ký trực tuyến được đưa vào sử dụng và có bước tăng trưởng vượt bậc từ sau khi Hệ thống đăng ký trực tuyến được nâng cấp, hoàn thiện lên mức độ 4, tốc độ tăng trưởng trung bình qua các năm tăng 145%, tỷ lệ tăng trưởng hàng năm đạt 45%.

Hiện tại, tỷ lệ đăng ký trực tuyến đã chiếm 81% trên tổng số yêu cầu đăng ký, cung cấp cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản. Minh chứng rõ nét nhất là việc vận hành Hệ thống đăng ký trực tuyến về của Cục Đăng ký được đánh giá là 1 trong 10 sự kiện tiêu biểu của ngành Tư pháp vào năm 2012 và năm 2017; đây cũng là dịch vụ công mức độ 4 đầu tiên và duy nhất của Bộ Tư pháp cho đến thời điểm hiện nay.

Bên cạnh đó, chỉ số phát triển khối lượng công việc được các Trung tâm Đăng ký giải quyết ngày càng tăng cao, sau 5 năm đã tăng 14 lần, sau 10 năm tăng 37 lần và đặc biệt sau 20 năm khối lượng công việc đã được các Trung tâm Đăng ký giải quyết tăng gấp 273 lần so với thời điểm bắt đầu từ năm 2002. Bên cạnh việc tăng về số lượng thì chất lượng giải quyết công việc tại các Trung tâm ngày càng đảm bảo. Do đó, đến thời điểm hiện nay, chưa có trường hợp Trung tâm Đăng ký phải xin lỗi người dân theo quy định do sự chậm trễ, sai sót của viên chức làm công tác đăng ký.

## Tạo thuận lợi, giảm thiểu chi phí cho người dân và doanh nghiệp

Công tác đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản được giải quyết chính xác, thuận lợi, nhanh chóng với chi phí đăng ký hợp lý dẫn đến chi phí giao dịch trong xã hội sẽ ở mức thấp, thúc đẩy tính cạnh tranh của nền kinh tế sẽ tăng cao, nâng cao tỷ lệ đóng góp ngân sách nhà nước. Việc thu phí từ hoạt động đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký đã đóng góp trực tiếp cho ngân sách nhà nước gần 60 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt trung bình 132%, tỷ lệ tăng trưởng trung bình hàng năm là 32%.

Ngoài ra, việc đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản qua Hệ thống đăng ký trực tuyến được vận hành hiệu quả cũng đã góp phần giúp chi phí xã hội tiết kiệm ngày càng được nâng cao, trong giai đoạn từ năm 2012 - 2020 đã tiết kiệm gần 324 tỷ đồng chi phí cho xã hội, tiết kiệm 33 tỷ đồng cho cơ quan đăng ký, giảm được khoảng 12,5 tỷ đồng cho các cá nhân, tổ chức có yêu cầu cung cấp dịch vụ công và góp phần nâng cao tỷ lệ tăng trưởng tín dụng của Việt Nam. Đồng thời, khuyến khích hoạt động cho vay phục vụ nhu cầu vốn trong xã hội, nhờ đó nguồn vốn trong xã hội được luân chuyển liên tục, khắc phục tình trạng khan hiếm vốn và sự mất cân đối về nhu cầu vốn giữa các thành phần kinh tế, tiết kiệm một lượng chi phí đáng kể cho cơ quan nhà nước cũng như chi phí do tổ chức và cá nhân phải bỏ ra khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm.

Với những kết quả đã đạt được như trên, có thể thấy hệ thống pháp luật hiện hành về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và đăng ký biện pháp bảo đảm đã góp phần thúc đẩy thị trường vốn và hoạt động sản xuất - kinh doanh vận động trong khuôn khổ hành lang pháp lý an toàn, minh bạch, giúp Nhà nước có được những thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình hoạch định các chính sách mang tính vĩ mô, đặc biệt liên quan trực tiếp đến chính sách bảo đảm an toàn tín dụng. Việc đăng ký biện pháp bảo đảm được đăng ký và công khai hóa đã hạn chế được những tranh chấp phát sinh trong cuộc sống do các tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận với thông tin về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm trước khi ký kết, thực hiện các giao dịch có liên quan đến tài sản đó.

Để tiếp tục đẩy mạnh hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp nói chung, Cục Đăng ký nói riêng trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm, trong giai đoạn tới Cục Đăng ký đề xuất tập trung nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế, đặc biệt nghiên cứu xây dựng Luật Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ để làm rõ vị trí, định hướng phát triển của thể chế về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, thiết chế đăng ký biện pháp bảo đảm, đăng ký giao dịch, tài sản, tạo tiền đề chiến lược cho việc giúp các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới.

Cùng với đó, tiếp tục triển khai Hệ thống đăng ký trực tuyến đối với các giao dịch bảo đảm bằng động sản, bất động sản theo hướng nâng cấp và hoàn thiện các tính năng của phần mềm đăng ký bảo đảm thân thiện, tiện lợi và an toàn, bảo mật thông tin tối đa cho người sử dụng. Từng bước hiện đại hóa các Hệ thống đăng ký chuyên ngành để tạo tiền đề vững chắc nhằm kết nối, thống nhất dữ liệu về tài sản trong phạm vi cả nước. Phát huy tốt vị trí, vai trò của các Trung tâm Đăng ký trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong lĩnh vực cung cấp



dịch vụ công về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải tàu bay, tàu biển), đáp ứng được nhu cầu của người dân và doanh nghiệp theo hướng thuận lợi, giảm thiểu chi phí về thời gian, tài chính, nhân lực, góp phần tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội...

Với sự nỗ lực không ngừng trong suốt 20 năm qua, công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế của Cục Đăng ký đã góp phần xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và đăng ký biện pháp bảo đảm. Cho đến thời điểm hiện nay, pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và đăng ký biện pháp bảo đảm cơ bản đã được điều chỉnh thống nhất, phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế, đáp ứng với mục tiêu cải cách hành chính, cải cách pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

*Nguồn: baophapluat.vn*

## MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

**\* Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP.**

Theo đó, Bộ Nội vụ cho biết, qua kết quả sơ kết 3 năm triển khai thi hành Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, bên cạnh các kết quả đạt được, Nghị định số 162 cũng bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc cần được tháo gỡ.

Cụ thể, một số quy định tại Luật chưa có biện pháp chi tiết dẫn tới quá trình thực hiện còn thiếu thống nhất, chưa có hiệu quả trên thực tiễn, gây lúng túng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi áp dụng, như điều kiện đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam; thay đổi người đại diện, thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam; đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo (đây là một trong những trường hợp dẫn đến giải thể các tổ chức được quy định tại Điều 31 và Điều 42 của Luật); phục hồi hoạt động tôn giáo cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; phục hồi hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo.

Bên cạnh đó, trong đại dịch COVID-19 vừa qua, một số hình thức hoạt động tôn giáo mới xuất hiện, như sinh hoạt tôn giáo, tổ chức các hoạt động tôn giáo bằng hình thức trực tuyến đã phát sinh nhưng chưa có quy định điều chỉnh và biện pháp để quản lý cho phù hợp.

Với những lý do nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung toàn diện các quy định của Nghị định số 162 và trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế cho Nghị định này là thật sự cần thiết.

### **Hoạt động tôn giáo bằng hình thức trực tuyến**

Đây là nội dung mới trong pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Dự thảo Nghị định bổ sung nội dung này nhằm tạo thuận lợi, căn cứ pháp lý cho các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, nhóm sinh hoạt tôn giáo

tập trung của công dân Việt Nam, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam thực hiện được trong mọi hoàn cảnh (kể cả dịch bệnh) khi thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Việc quy định này mặt khác còn giúp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có căn cứ thực hiện trách nhiệm khi được Nhà nước trao quyền nhằm đảm bảo các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho mọi người. Dự thảo quy định đối với trường hợp hoạt động tôn giáo đã được thông báo hoặc chấp thuận khi thay đổi từ trực tiếp sang trực tuyến hoặc kết hợp hình thức trực tiếp với trực tuyến thì thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp hoạt động tôn giáo chưa được thông báo hoặc chưa được chấp thuận khi thực hiện trực tuyến hoặc kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến thì phải thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều tương ứng của Luật và Nghị định thay thế.

Dự thảo cũng nêu rõ, trách nhiệm khi thực hiện hoạt động tôn giáo bằng hình thức trực tuyến hay kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến thì đều phải tuân thủ Hiến pháp, Luật tín ngưỡng, tôn giáo và pháp luật khác có liên quan.

Dự thảo bổ sung 03 Điều liên quan đến sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, gồm Điều 7, 8 và Điều 9, cụ thể: Điều 7 về điều kiện đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam. Điều 8 về trình tự, thủ tục thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam. Điều 9 về trình tự, thủ tục thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

Vấn đề đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đã được quy định tại Điều 47 của Luật. Thực tế việc chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam cũng đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cơ bản đảm bảo quyền tự do tôn giáo cho người nước ngoài trong những năm qua. Tuy nhiên, Luật và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP chưa có quy định về điều kiện để được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung; trình tự, thủ tục thay đổi người đại diện; trình tự, thủ tục thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (điều này dẫn đến không có căn cứ pháp lý để Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành thực hiện khi người nước ngoài có nhu cầu).

Do vậy, dự thảo Nghị định thay thế đã bổ sung Điều 7, 8, 9 về các nội dung nêu trên để các địa phương thuận lợi hơn trong quá trình thực thi Luật và thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Việc quy định này là biện pháp để đảm bảo, tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý cho cả phía các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như các nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài.

**\* Bộ Công an đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC.**

Theo dự thảo, thẻ đi lại của doanh nhân APEC (thẻ ABTC) là một loại thị thực do cơ quan có thẩm quyền của nước và vùng lãnh thổ tham gia Chương trình thẻ đi lại của doanh

nhân APEC cấp cho doanh nhân để tạo thuận lợi cho việc đi lại thực hiện các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư, dịch vụ; tham dự các hội nghị, hội thảo và các mục đích kinh tế khác tại các nước và vùng lãnh thổ thuộc khối APEC tham gia Chương trình.

Dự thảo nêu rõ, thẻ ABTC có giá trị sử dụng trong 05 năm, kể từ ngày cấp và không được gia hạn. Khi thẻ ABTC hết thời hạn sử dụng, nếu người được cấp thẻ vẫn có nhu cầu đi lại trong khối APEC, thì làm thủ tục đề nghị cấp thẻ mới. Thẻ ABTC có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh vào các nước và vùng lãnh thổ thành viên tham gia Chương trình thẻ ABTC có tên trên thẻ khi người mang thẻ xuất trình kèm theo hộ chiếu hợp lệ. Mỗi lần nhập cảnh, người mang thẻ ABTC được các nước và vùng lãnh thổ thành viên cấp chứng nhận tạm trú theo thời hạn quy định của các nước hoặc vùng lãnh thổ đó. Thẻ ABTC đã bị hủy giá trị sử dụng sẽ không được khôi phục. Nếu doanh nhân Việt Nam có nhu cầu tiếp tục sử dụng thẻ ABTC thì phải làm thủ tục đề nghị cấp thẻ mới.

Doanh nhân Việt Nam và doanh nhân nước ngoài mang thẻ ABTC có trách nhiệm xuất trình thẻ ABTC và hộ chiếu cho người làm nhiệm vụ kiểm soát xuất nhập cảnh khi xuất cảnh, nhập cảnh tại sân bay của các nền kinh tế thành viên. Doanh nhân mang thẻ ABTC sẽ được ưu tiên làm thủ tục xuất nhập cảnh tại khu vực dành riêng ở sân bay của các nền kinh tế thành viên. Doanh nhân nước ngoài sử dụng thẻ ABTC nhập cảnh Việt Nam được đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế cấp chứng nhận tạm trú 90 ngày cho mỗi lần nhập cảnh và trước thời hạn của hộ chiếu 1 tháng.

Trường hợp thẻ ABTC còn thời hạn dưới 90 ngày thì cấp chứng nhận tạm trú bằng thời hạn của thẻ. Trường hợp doanh nhân bị mất hộ chiếu và được cấp hộ chiếu mới thì Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cấp chứng nhận tạm trú bằng thời hạn chứng nhận tạm trú được cấp tại cửa khẩu hoặc cấp chứng nhận tạm trú để xuất cảnh trong trường hợp đã hết thời hạn tạm trú.

Điều kiện để được xét cho phép sử dụng thẻ ABTC bao gồm: Doanh nhân đang làm việc thực tế tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Có nhu cầu đi lại thường xuyên, ngắn hạn để thực hiện các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư, dịch vụ hoặc tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các mục đích kinh tế khác tại các nước hoặc vùng lãnh thổ thành viên APEC; Doanh nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp phải có các hoạt động ký kết, hợp tác kinh doanh trực tiếp với đối tác nước ngoài hoặc vùng lãnh thổ thành viên tham gia Chương trình thẻ đi lại doanh nhân APEC; Doanh nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp đã có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên, chấp hành đúng quy định của pháp luật về thương mại, thuế, hải quan, lao động và bảo hiểm xã hội; Doanh nhân phải từ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự; Không thuộc các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh quy định tại Điều 36 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

**\* Bộ Khoa học và Công nghệ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.**

Theo dự thảo, đề tài, dự án, đề án khoa học phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại.

Yêu cầu chung đối với đề tài, dự án, đề án khoa học là có tính cấp thiết hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi cả nước; các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học công nghệ của quốc gia hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; vấn đề khoa học và công nghệ nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của quốc gia về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ; không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu: Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở Việt Nam; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng; có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

Đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: có tính mới, kết quả nghiên cứu đảm bảo tạo ra luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

Đề tài trong các lĩnh vực khác: sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại Việt Nam hoặc quốc tế thông qua các công bố trong nước và quốc tế và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

Dự thảo nêu rõ, công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra có khả năng ứng dụng hoặc có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích.

Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt.

Có khả năng huy động được nguồn kinh phí để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước để thực hiện.

Theo dự thảo, dự án khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau: Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của quốc gia, ngành và địa phương hoặc để tạo ra sản phẩm có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu; Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực; Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách.



Tiến độ thực hiện phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư sản xuất, đề án phát triển kinh tế - xã hội; có thời gian thực hiện không quá 5 năm.

**\* Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi).**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 (thay thế Luật Hợp tác xã năm 2003) đã thể chế hóa các chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể tiếp cận gần hơn với bản chất, giá trị nguyên tắc của hợp tác xã trên thế giới. Theo Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012, Luật Hợp tác xã năm 2012 đã bước đầu tác động tích cực đến tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực tiễn sau gần 10 năm triển khai thực hiện, Luật Hợp tác xã năm 2012 còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp hơn với thực tiễn.

Mục tiêu xây dựng dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi) nhằm tạo hành lang pháp lý thông thoáng, loại bỏ các quy định gây trở ngại gia nhập thị trường, phát triển thành viên; bảo đảm và phát huy đặc trưng, nguyên tắc cơ bản của hợp tác xã; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức kinh tế hợp tác phát triển năng động, hiệu quả, bền vững, thực sự là thành phần quan trọng trong nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở tôn trọng bản chất hợp tác xã, thu hút nhiều thành phần, đối tượng tham gia vào khu vực kinh tế tập thể, giúp nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của các thành viên và góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Dự thảo Luật Hợp tác xã (sửa đổi) đã bám sát mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và cụ thể hóa 05 nhóm chính sách tại đề nghị xây dựng dự án Luật đã được thông qua như sau:

Một là, nhóm chính sách về hoàn thiện các quy định về bản chất hợp tác xã, phát triển thành viên hợp tác xã, bao gồm: Xây dựng nguyên tắc mở đối với thành viên tham gia hợp tác xã cho cả đối tượng là công dân dưới 18 tuổi, doanh nghiệp tư nhân; bổ sung và khuyến khích phát triển các thành viên liên kết của hợp tác xã để mở rộng các hoạt động hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh, hỗ trợ, góp vốn, góp sức lao động (bao gồm người hết tuổi lao động có thể đóng góp bằng kinh nghiệm, trí tuệ) đóng góp cho hợp tác xã phát triển; thành viên liên kết chỉ cần đáp ứng một trong các điều kiện về góp vốn, sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, hoặc góp sức lao động cho hợp tác xã, không tham gia biểu quyết, quản lý, điều hành hợp tác xã; khuyến khích hợp tác xã quan tâm đến phát triển cộng đồng; nâng cao nguyên tắc minh bạch thông tin hợp tác xã thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo thông tin cung cấp đến thành viên nhanh chóng, chính xác, bảo vệ lợi ích cho thành viên.

Hai là, nhóm chính sách về mở rộng phạm vi điều chỉnh và hoàn thiện các quy định về loại hình tổ chức kinh tế hợp tác, tổ chức đại diện, bao gồm: Bổ sung đối tượng điều chỉnh của Luật gồm tổ hợp tác hoạt động lâu dài có đăng ký thành lập, Liên đoàn hợp tác xã; hoàn thiện các quy định để làm rõ vị trí và vai trò tổ chức Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phù hợp với bản chất, các quy định hiện hành và hội nhập với thế giới; hoàn thiện quy định phân loại hợp tác xã theo hướng phù hợp với công tác quản lý Nhà nước. Các nội dung này được cụ thể hóa tại các Chương về tổ hợp tác, liên đoàn hợp tác xã và tổ chức đại diện, liên minh hợp tác xã.

Ba là, nhóm chính sách về mở rộng thị trường, nâng cao khả năng huy động vốn, tạo động lực cho hợp tác xã phát triển, bao gồm: Sửa đổi quy định giao dịch của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với các đối tượng không phải thành viên theo hướng điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự quyết định, sau khi đáp ứng nhu cầu của thành viên; bổ sung các quy định lợi nhuận thu được từ giao dịch bên ngoài được trích lập quỹ chung không chia và phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp giống như doanh nghiệp, giao dịch nội bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; tăng tỷ lệ vốn góp của thành viên theo thông lệ thế giới; bổ sung quy định cho phép thành viên giao dịch, chuyển nhượng vốn góp; bổ sung quy định cho phép hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sử dụng quỹ chung không chia, nguồn vốn hình thành tài sản chung không chia tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, ngoại trừ quyền sử dụng đất được Nhà nước giao, cho thuê; sửa đổi các quy định về phân phối thu nhập.

Bốn là, nhóm chính sách về hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành hợp tác xã, bao gồm: Bổ sung một chương riêng về kiểm toán, trong đó quy định về kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn kiểm toán hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thế giới, pháp luật về kiểm toán ở nước ta; hoàn thiện các quy định về bộ máy, tổ chức của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho phép hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhiều người đại diện theo pháp luật; hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy quản lý, điều hành, về trách nhiệm, điều kiện năng lực của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên...

Năm là, nhóm chính sách về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế tập thể, bao gồm: Hoàn thiện các quy định theo hướng tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế hợp tác gia nhập cũng như rút lui khỏi thị trường, tăng cường "hậu kiểm" và tạo sân chơi bình đẳng với doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hoàn thiện các quy định về chính sách hỗ trợ của Nhà nước tại một chương riêng theo hướng bổ sung nguyên tắc, tiêu chí thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm phát huy bản chất hợp tác xã trên cơ sở báo cáo kiểm toán của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thống nhất các quy định về nội dung chính sách hỗ trợ đang quy định dàn trải; bổ sung chính sách hỗ trợ của Nhà nước thúc đẩy tổ hợp tác phát triển lên hợp tác xã.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## HÀ NỘI: TĂNG 39 BẬC VỀ CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH NĂM 2021

Ngày 10/5, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNDP) công bố kết quả Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2021. Chỉ số tổng hợp Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2021 được xác định trên 8 chỉ số nội dung, gồm: (1) Tham gia của người dân ở cấp cơ sở. (2) Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định. (3) Trách nhiệm giải trình với người dân. (4) Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công. (5) Thủ tục hành chính công. (6) Cung ứng dịch vụ công. (7) Quản trị môi trường. (8) Quản trị điện tử.

Năm 2021, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam khảo sát hơn 1000 người dân tại 24 thôn, tổ dân phố thuộc 12 xã, phường, thị trấn của 6 đơn vị cấp huyện: quận Hoàn Kiếm (phường Chương Dương, phường Hàng Trống); quận Đống Đa (phường Hàng Bột, phường Văn Chương); quận Cầu Giấy (phường Nghĩa Tân, phường Quan Hoa); quận Nam Từ Liêm (phường Cầu Diễn, phường Mỹ Đình 1); huyện Phúc Thọ (thị trấn Phúc Thọ, xã Phụng Thượng); thị xã Sơn Tây (phường Ngô Quyền, phường Quang Trung). Kết quả, TP. Hà Nội đạt điểm số 44,45 điểm, đứng thứ 9/63 tỉnh, thành phố; tăng 39 bậc so với năm 2020. Trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương, TP. Hà Nội cũng là đơn vị đứng đầu về điểm số và thứ hạng. Có 6/8 chỉ số nội dung của thành phố tăng điểm, tăng bậc. Đặc biệt, chỉ số thành phần “Quản trị điện tử” tăng 0,69 điểm, tăng mạnh 21 bậc, dẫn đầu cả nước về điểm số và thứ hạng. Có 2/8 chỉ số nội dung bị giảm điểm nhưng vẫn tăng về thứ bậc: “Tham gia của người dân” giảm 0,05 điểm và “Trách nhiệm giải trình với người dân” giảm 0,48 điểm.

Có được kết quả như vậy là do thành phố đã quan tâm, chỉ đạo quyết liệt việc cải thiện Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, đưa chỉ tiêu tăng hạng về Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố, trong Chương trình công tác số 01 của Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2020 - 2025. Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã ban hành Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch từng năm nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh. Trong quá trình thực hiện, lãnh đạo Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội luôn thể hiện quan điểm coi trọng nhiệm vụ, quyết tâm, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền thành phố. Các cấp chính quyền, các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố đã tích cực tham mưu, nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, chủ động trong phối hợp giữa các đơn vị, gắn với nhiệm vụ chuyên môn, lĩnh vực, địa bàn phụ trách. Đặc biệt, trong năm 2021, cả nước tập trung phòng chống dịch COVID-19 và tổ chức kỳ bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, là 2 vấn đề, sự kiện lớn, nổi bật mang quy

mô quốc gia, tác động sâu sắc tới người dân. TP. Hà Nội là địa phương dẫn đầu trong công tác tổ chức bầu cử và đi đầu trong công tác phòng chống dịch; được người dân ghi nhận, đánh giá cao. Từ đó, người dân cũng có sự nhìn nhận, đánh giá tốt hơn về hoạt động của chính quyền thành phố ở những lĩnh vực, nội dung, vấn đề liên quan.

Bên cạnh đó, một số yếu tố khách quan, mang tính thời điểm cũng là nguyên nhân dẫn đến kết quả Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2021 của TP. Hà Nội.

Năm 2021, đại dịch tác động lớn tới các địa phương trên toàn quốc, tác động nặng nề của giãn cách xã hội toàn phần kéo dài dẫn đến nhiều địa phương rất khó khăn để ổn định kinh tế, xã hội, chăm sóc sức khỏe, tính mạng cho người dân. Có những giai đoạn cao điểm dịch đã gây nhiều tổn thất, mất mát về con người và của cải, tác động rất lớn đến tâm lý của người dân ở nhiều tỉnh/thành phố. Tại TP. Hà Nội, công tác tiêm chủng, chăm sóc khỏe người dân, hỗ trợ đời sống người dân trong vùng dịch, những đối tượng khó khăn, giữ ổn định kinh tế, an ninh, an toàn Thủ đô, đã tác động tích cực đến tâm lý yên tâm, tin tưởng đối với chính quyền của người dân. Vì vậy, trạng thái tâm lý tích cực được lan tỏa trong quá trình khảo sát, khiến cho người dân cảm thấy hài lòng hơn, có cảm xúc tốt hơn khi đánh giá ở nhiều lĩnh vực khác của Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

Bối cảnh giãn cách xã hội kéo dài và các biện pháp hạn chế đi lại để phòng, chống dịch, sản xuất ngưng trệ trong năm 2021 dẫn đến một số vấn đề về môi trường (khói bụi, tiếng ồn, phát thải...); về an ninh, trật tự (tỷ lệ tội phạm, nạn trộm cắp, đột nhập...) giảm đáng kể. Yếu tố khách quan này tác động tốt hơn đến cảm nhận của người dân, dẫn đến việc đánh giá về môi trường, an ninh tăng điểm so với các năm trước, góp phần làm tăng điểm chỉ số tổng hợp.

Trong 10 năm thực hiện khảo sát trên địa bàn TP. Hà Nội, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam xác định 6 địa bàn cố định (Hoàn Kiếm, Đống Đa, Sóc Sơn, Thanh Trì, Ba Vì, Thường Tín). Đến năm 2021, 4/6 địa bàn đã thay đổi (Hoàn Kiếm, Đống Đa, Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Sơn Tây, Phúc Thọ). So với nhóm đơn vị trước đây, nhóm đơn vị do Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam chọn năm 2021 là những địa phương được đánh giá “mạnh” hơn về các mặt, có điều kiện kinh tế - xã hội tốt hơn, dân trí cao hơn, hoạt động của chính quyền hiệu quả hơn... Vì vậy, kết quả hài lòng của người dân cũng sẽ cao hơn.

Năm 2021, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam đã điều chỉnh một số nội dung, trong chỉ số nội dung 5 “Thủ tục hành chính công” được cấu trúc lại, đưa ra ngoài nội dung thành phần liên quan đến đánh giá về dịch vụ cấp phép xây dựng, do số lượng người dùng không đảm bảo yêu cầu về cỡ mẫu có ý nghĩa thống kê. Việc thay đổi về tiêu chí khảo sát này là một yếu tố khách quan có lợi cho TP. Hà Nội vì đây là một trong những tiêu chí người dân thường đánh giá thành phố ở mức thấp hoặc rất thấp.

Những phân tích trên cho thấy, tuy TP. Hà Nội tăng vượt bậc về thứ hạng, nhưng điểm số tăng chưa nhiều (2,82 điểm). Với 44,45/80 điểm tối đa, TP. Hà Nội mới ở mức độ trên trung bình (tương đương 55,57%). Từ đó, đặt ra những yêu cầu cho TP. Hà Nội cần phải tiếp tục nỗ lực cải thiện, nâng cao về thực chất Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh trong thời gian tới, tập trung những nội dung chính như sau:



(1) Quán triệt về nhận thức trong các cấp lãnh đạo từ thành phố đến cơ sở về ý nghĩa, bản chất của Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, những lợi ích của Chỉ số mang lại đối với công tác điều hành của chính quyền các cấp. Trên cơ sở phân tích kết quả về điểm số các chỉ số nội dung và nội dung thành phần, TP. Hà Nội xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu, những hạn chế, tồn tại trên từng lĩnh vực, từng thước đo cụ thể, từ đó đề ra các giải pháp hữu hiệu, đột phá nhằm tiếp tục cải thiện và đổi mới phương thức phục vụ Nhân dân trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

(2) Tiếp tục triển khai hiệu quả; tổ chức thực hiện toàn diện, đầy đủ Kế hoạch 179/KH-UBND ngày 04/8/2021 về Cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của TP. Hà Nội 2021 - 2025. Các cơ quan, đơn vị rà soát nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch 179/KH-UBND và Kế hoạch của cơ quan, đơn vị triển khai Kế hoạch 179/KH-UBND, xác định nhiệm vụ cụ thể trong năm 2022, chủ động triển khai thực hiện. Các sở, ngành (Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Thanh tra Thành phố; Sở Tư pháp; Tài nguyên và Môi trường) được giao chủ trì, tham mưu các chỉ số nội dung và nội dung thành phần có điểm số giảm so với năm 2020 hoặc xếp trong nhóm 3, nhóm 4 trong năm 2021 lập báo cáo phân tích sâu về kết quả các nội dung được giao, chỉ rõ nguyên nhân và biện pháp khắc phục; xây dựng Kế hoạch năm 2022 cải thiện chỉ số nội dung và nội dung thành phần với nhiệm vụ cụ thể và dự kiến định lượng kết quả.

(3) Tăng cường hơn nữa hiệu quả hoạt động công vụ, lãnh đạo chính quyền các cấp thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra; chú trọng kiểm tra đột xuất; trong đó xác định địa bàn ưu tiên tại các quận, huyện, thị xã; chú trọng địa bàn kiểm tra trực tiếp tới tận Ủy ban nhân dân cấp xã, thôn, tổ dân phố. Chủ động, linh hoạt trong hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, phương thức kiểm tra; lồng ghép phù hợp việc kiểm tra thực hiện nội dung cải thiện Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh vào nội dung kiểm tra của các đoàn công tác khác trên cùng địa bàn.

(4) Chính quyền các cấp chủ động triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của quy chế dân chủ ở cơ sở; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể các cấp trong việc hướng dẫn, đôn đốc, giám sát, kiểm tra, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch khắc phục, cải thiện Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2022.

*Hồng Hải, Sở Nội vụ TP. Hà Nội*

## QUẢNG NINH: NGƯỜI DÂN BẮT NHỊP CÙNG HÀNH TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, các sở, ban, ngành và địa phương đang đẩy mạnh triển khai. Đặc biệt, người dân đã bắt nhịp và đánh giá cao hành trình chuyển đổi số này.

Đối với giải quyết thủ tục hành chính, thời gian qua các trung tâm hành chính công trên địa bàn tỉnh luôn chú trọng công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp. Từ khi trung tâm hành chính công các cấp và bộ phận một cửa hiện đại cấp xã, phường đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, đến nay nhiều người dân đã thực hiện nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến và đánh giá cao sự tiện lợi này.

Anh Nguyễn Tiến Hùng (phường Hồng Phong, TX. Đông Triều) chia sẻ: Từ khi TX. Đông Triều triển khai các dịch vụ công trực tuyến, tôi thấy rất thuận lợi cho người dân, chúng tôi có thể ở bất cứ đâu với chiếc điện thoại thông minh cũng có thể gửi hồ sơ qua mạng.

Hiện nay đã có trên 80% người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử như: Dịch vụ công trực tuyến, cổng thông tin điện tử, tra cứu mã hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính... Tính từ ngày 01/01 đến 16/5/2022, số lượng nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 qua Cổng dịch vụ công của tỉnh là 127.361 hồ sơ (tăng 20% so với cùng kỳ). Đây là giải pháp triển khai thực hiện tiếp nhận giải quyết các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, với phương châm “lấy người dân là trung tâm của chuyển đổi số”, là tiền đề hình thành công dân số, hướng đến Chính phủ số.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, người dân nhận thấy chuyển đổi số là chìa khóa mở cánh cửa cho nông nghiệp hiện đại, vì vậy nhiều người đã thực hiện số hóa với các cánh đồng, khu sản xuất, tạo giá trị gia tăng và tính minh bạch của sản phẩm. Điển hình như TX. Đông Triều, người dân đã ứng dụng công nghệ IoT (Internet vạn vật), thiết bị cảm ứng nhiệt độ, để tự động hóa việc bón phân cho cây trồng, giảm thiểu những bất lợi từ thời tiết, sâu bệnh, đảm bảo cây sinh trưởng, phát triển ổn định. Nhiều hộ dân đã chủ động đề xuất và phối hợp hiệu quả với đơn vị chức năng trong việc cấp mã số vùng trồng, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, cấp mã vạch cho sản phẩm nông nghiệp để mở ra cơ hội đưa nông sản địa phương vào các kênh thương mại uy tín trong nước, lên các sàn giao dịch điện tử, hoặc cơ hội xuất khẩu ra nước ngoài.

Hiện nay, nhiều người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã sử dụng hóa đơn điện tử, thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt đối với viện phí, điện, nước, mua sắm... qua đó tạo thuận lợi và sự minh bạch, nâng cao chất lượng phục vụ, năng suất lao động, giảm các thủ tục hành chính, giảm thao tác thủ công, giảm áp lực công việc cho cán bộ các đơn vị.

Tại TP. Hạ Long thời gian vừa qua đã đưa vào sử dụng app Smart Hạ Long, đến nay đã có hơn 33.000 lượt cài đặt, với hơn 800 tài khoản đăng ký thành công để thực hiện các tương tác với chính quyền địa phương thông qua mục “Phản ánh hiện trường” với các vấn đề như: Môi trường, dịch vụ, du lịch, giao thông, an ninh trật tự...

Đề án chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 được xác định là một trong 15 đề án và chương trình trọng điểm được triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025. Phấn đấu đến năm 2025, tỉnh Quảng Ninh nằm trong nhóm 3 tỉnh, thành dẫn đầu về chuyển đổi số với 3 trụ cột chính bao gồm: Chính quyền số, kinh tế số,

xã hội số. Để đạt mục tiêu, các ngành liên quan của tỉnh cần phải tuyên truyền để người dân tích cực, chủ động hơn nữa trong việc tham gia hiệu quả vào quá trình chuyển đổi số.

Nguồn: [baoquangninh.com.vn](http://baoquangninh.com.vn)

## HUNG YÊN: TẠO LẬP MÔI TRƯỜNG THUẬN LỢI ĐỂ THU HÚT ĐẦU TƯ

Thời gian qua, môi trường đầu tư tại tỉnh Hưng Yên có nhiều chuyển biến rõ rệt. Đó là kết quả của những đổi mới về cơ chế, chính sách nhằm tạo ra môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế.

### Môi trường đầu tư chuyển biến rõ rệt

Những năm gần đây, các cơ quan quản lý nhà nước và các cấp của tỉnh Hưng Yên đã không ngừng đổi mới về cơ chế, chính sách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công. Minh chứng cho điều này là sự phát triển vượt bậc của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 của tỉnh Hưng Yên tăng 14 bậc và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tăng 39 bậc, xếp thứ 5/63 tỉnh, thành phố.

Mới đây, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ cũng đã công bố điểm Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh Hưng Yên năm 2021 là 88,34, xếp thứ 12/63, tăng 10 bậc so với năm 2020. Chỉ số hài lòng của tổ chức và cá nhân về sự phục vụ của cơ quan hành chính (SIPAS) năm 2021 của tỉnh Hưng Yên cũng tiếp tục duy trì thứ hạng cao với 92,07% (tăng 0,41%), xếp thứ 3/63, tăng 2 bậc so với năm 2020.

Kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đã khẳng định sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị của tỉnh Hưng Yên trong thời gian qua. Tỉnh Hưng Yên đã có nhiều chỉ đạo quyết liệt đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung vào công tác chỉ đạo, điều hành, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Cùng với đó là ứng dụng khoa học công nghệ nhằm hiện đại hóa nền hành chính, hướng tới thu hút sự đầu tư của các doanh nghiệp vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, ổn định đời sống nhân dân, nâng cao sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Bên cạnh môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện và có chuyển biến rõ rệt, hoạt động đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tại tỉnh Hưng Yên cũng không ngừng được đẩy mạnh, góp phần tăng cường thu hút đầu tư, nhất là đầu tư tư nhân và đầu tư FDI.

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Trịnh Văn Diễn cho biết, từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã giải phóng mặt bằng khoảng hơn 200 ha đất khu công nghiệp, đạt hơn 40% kế hoạch năm 2022 để thu hút và tiếp nhận các dự án đầu tư. Chủ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật được khoảng hơn 53 ha, đạt hơn 44% kế hoạch.

Toàn tỉnh Hưng Yên đã thu hút được 29 dự án đầu tư mới; trong đó có 27 dự án trong nước, 2 dự án nước ngoài, với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 12.111 tỷ đồng và 29,9 triệu USD. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 2.086 dự án (1.588 dự án trong nước, 498 dự án nước ngoài).

Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên Nguyễn Hữu Nghĩa đã chỉ đạo, cơ quan quản lý các cấp trong tỉnh cần tiếp tục đổi mới, hành động mạnh mẽ quyết liệt hơn nữa và có kết quả cụ thể hơn để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút và tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp.

Đồng thời, cần quyết liệt hơn nữa trong sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính gắn với đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, nâng cao chất lượng dịch vụ công. Chính quyền, cơ quan quản lý các cấp tiếp tục duy trì hoạt động gần gũi, đối thoại với người dân, doanh nghiệp để tháo gỡ những vướng mắc.

### **Tôn trọng lợi ích của doanh nghiệp**

Hiện nay, toàn tỉnh Hưng Yên có trên 14.000 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký kinh doanh khoảng 152.058 tỷ đồng. Hàng năm, các doanh nghiệp đóng góp khoảng trên 70% giá trị tổng sản phẩm (GRDP), gần 40% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh, giải quyết việc làm cho trên 2,3 vạn lao động.

Tại buổi đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh Hưng Yên và các doanh nghiệp trong tỉnh mới đây, Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên Nguyễn Hữu Nghĩa khẳng định, năm 2021 và Quý I/2022 tỉnh Hưng Yên cơ bản thực hiện được mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch vừa tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội. Điều đó được minh chứng bằng con số cụ thể: GRDP Quý I/2022 của tỉnh Hưng Yên tăng 8,13%, cao hơn mức tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Trong 4 tháng đầu năm 2022, sản xuất công nghiệp của tỉnh phục hồi khá nhanh, tăng hơn 10%. Đạt được thành tựu đó không thể phủ nhận sự đóng góp to lớn của cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh Hưng Yên.

Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên cũng nhấn mạnh, doanh nghiệp có làm ăn thịnh vượng thì nền kinh tế đất nước và địa phương mới phát triển phồn vinh, vì vậy, hành động của chính quyền luôn hướng tới doanh nghiệp và người dân. Chính quyền sẵn sàng lắng nghe, đối thoại để gỡ vướng, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Ngược lại, doanh nghiệp cần nỗ lực vượt khó, không ngừng hiện đại hóa, tăng năng suất lao động, luôn đồng hành cùng chính quyền và người dân.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên Trần Quốc Văn cũng đã chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương rà soát, tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên thực hiện các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư, xây dựng và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, các Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh... Đồng thời, tạo thuận lợi để thu hút đầu tư, đẩy nhanh tiến độ đầu tư; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, bảo đảm tiến độ giải phóng mặt bằng theo kế hoạch của tỉnh. Cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ với tỉnh để bảo vệ môi trường đầu tư, bảo vệ môi trường sản xuất.



Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Trịnh Văn Diễn khẳng định, lãnh đạo tỉnh Hưng Yên luôn cam kết tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển và tôn trọng lợi ích của doanh nghiệp bằng việc hỗ trợ kịp thời, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp về thuế, đầu tư, xây dựng, đất đai, đào tạo lao động, đồng hành cùng doanh nghiệp.

Đồng thời, tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư, thông tin về thị trường và quảng bá thương hiệu sản phẩm cho doanh nghiệp để thúc đẩy, phát triển đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân ngày càng lớn mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

*Nguồn: ttxvn*

## LẠNG SƠN: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH TĂNG VƯỢT BẬC

Năm 2021, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Lạng Sơn đạt 63,92 điểm (tăng 1,49 điểm), tăng 13 bậc so với năm 2020, xếp hạng 36/63 tỉnh, thành phố, xếp thứ 6/14 tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn vừa tổ chức Hội nghị đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021, nhiệm vụ, giải pháp cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022.

Theo báo cáo kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021 do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công bố, năm 2021, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Lạng Sơn đạt 63,92 điểm (tăng 1,49 điểm), tăng 13 bậc so với năm 2020, xếp hạng 36/63 tỉnh, thành phố, xếp thứ 6/14 tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc. Trong 10 chỉ số thành phần, có 05 chỉ số thành phần tăng điểm và tăng bậc: Tính năng động của chính quyền tỉnh, chi phí thời gian, tiếp cận đất đai, chi phí không chính thức, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; có 01 chỉ số thành phần tăng điểm nhưng giảm bậc: chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; có 03 chỉ số giảm điểm và giảm bậc: Tính minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, chi phí gia nhập thị trường; có 01 chỉ số giảm điểm nhưng tăng bậc: Đào tạo lao động.

Tại Hội nghị, đại diện các sở, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh đã có nhiều kiến nghị, đề xuất những giải pháp để cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Trong đó, có những nội dung liên quan đến việc tích cực hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi phát triển sản xuất kinh doanh sau đại dịch COVID-19; tiếp tục thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp trong tiếp cận các nguồn vốn, tạo mặt bằng, đất đai, hoàn thiện các thủ tục hành chính theo quy định...

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Hồ Tiến Thiệu cho biết, thời gian qua, tỉnh Lạng Sơn luôn triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Để cải thiện và nâng cao thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Lạng Sơn trong năm 2022, ông Hồ Tiến Thiệu cho biết tỉnh này đã yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện, trong đó cần xác định trách

nhiệm cụ thể đối với từng chỉ số thành phần, đồng thời, xác định rõ mục tiêu cần đạt được, lộ trình thực hiện trong việc cải thiện các chỉ số thành phần.

Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tập trung nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; thường xuyên quan tâm đến việc nâng cao chất lượng, năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

*Nguồn: baophapluat.vn*

## LAI CHÂU: TỌA ĐÀM PHÂN TÍCH CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH, CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ngày 31/5, tỉnh Lai Châu tổ chức Tọa đàm phân tích Chỉ số năng lực cạnh tranh, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Lai Châu và Công bố Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh, Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố năm 2021. Dự Tọa đàm có Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Lê Văn Lương; Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Tổng Thanh Hải; Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ Phạm Minh Hùng; Phó Tổng Thư ký Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Đậu Anh Tuấn; đại diện lãnh đạo các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đại diện một số hiệp hội, doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan.

Tại Tọa đàm, lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu báo cáo tóm tắt dự thảo Báo cáo phân tích Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Lai Châu năm 2021; nhiệm vụ, giải pháp năm 2022 và những năm tiếp theo. Năm 2021, Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Lai Châu đạt 86,69 điểm, xếp vị trí thứ 31/63 tỉnh, thành phố, tăng 7 hạng so với năm 2020. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) đạt 86,81% (tăng 2,67% so với năm 2020) xếp vị trí thứ 37/63 tỉnh, thành phố. Qua 10 năm đánh giá, Chỉ số Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Lai Châu đã có những cải thiện, được các Bộ, ngành ghi nhận thông qua công tác theo dõi, đánh giá thẩm định (điểm thẩm định tăng dần qua các năm), từ 66,46% (năm 2012) tăng lên 86,69% (năm 2021), thứ hạng tăng bậc từ 59 (năm 2012) lên thứ tự 31 (năm 2021)...

Tại Tọa đàm, Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ Phạm Minh Hùng đã khuyến nghị các giải pháp cải thiện Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Lai Châu năm 2022, trong đó nhấn mạnh, tỉnh cần có sự phối hợp chặt chẽ thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện các thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục hành chính liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; gắn kết, kết nối các đơn vị ngành dọc tại địa phương; quan tâm đến các mô hình, sáng kiến cải cách hành chính để vận dụng vào thực tiễn tại đơn vị, địa phương...

Trong khuôn khổ buổi Tọa đàm, tỉnh Lai Châu đã công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố năm 2021 và đại diện các sở, ngành, địa phương đã tập trung vào phân tích và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Lai Châu trong năm 2022 và những năm tiếp theo; giải pháp nâng cao chất lượng xây dựng chính quyền điện tử và xây dựng chính quyền số...

*Manh Tuyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*

## NAM ĐỊNH: TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TẠO ĐIỀU KIỆN TỐT NHẤT CHO NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nam Định Phạm Gia Túc đã có buổi làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh sáng ngày 31/5.

Trung tâm Phục vụ hành chính công, Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định là đơn vị hành chính đặc thù thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Trong năm 2021 và 5 tháng đầu năm 2022, Trung tâm đã triển khai thực hiện 124.304 lượt giao dịch giải quyết thủ tục hành chính. Trong đó, tiếp nhận 73.324 hồ sơ, trả 47.765 kết quả giải quyết thủ tục hành chính và 1.964 lượt tư vấn, hướng dẫn về thủ tục hành chính. 5 tháng đầu năm 2022 đã thực hiện 37.943 lượt giao dịch.

Công tác tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được duy trì triển khai hiệu quả, đáp ứng sự hài lòng của các tổ chức, cá nhân đến giao dịch tại Trung tâm. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát quá trình giao dịch thủ tục hành chính giữa các tổ chức, cá nhân và cán bộ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả một cách chặt chẽ, không có hiện tượng phiền hà, sách nhiễu.

Đa số doanh nghiệp và người dân đến giao dịch thực hiện thủ tục hành chính tại Trung tâm đều đánh giá cao thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động với mức độ đánh giá hài lòng và rất hài lòng. Hoạt động của Trung tâm đã góp phần nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (năm 2021 tăng 7 bậc so với năm 2020).

Trong năm 2021 và 5 tháng đầu năm 2022, 421 thủ tục liên quan đến dự án đầu tư được tiếp nhận, luân chuyển và giải quyết thông qua đầu mối Trung tâm, đa phần các thủ tục được giải quyết nhanh chóng, sớm hơn so với quy định.

Cán bộ, công chức của Trung tâm tích cực nghiên cứu, cập nhật các quy định mới của pháp luật, nhất là pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng,... để hoàn thành tốt nhiệm vụ hướng dẫn các nhà đầu tư, doanh nghiệp, các cá nhân thực hiện theo đúng quy định góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, nhất là năm 2021, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Nam Định đạt 64,99 điểm, xếp hạng 24/63 tỉnh, thành phố, tăng 16 bậc so với năm 2020.

Trung tâm đã tham mưu cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xây dựng chương trình Xúc tiến đầu tư hàng năm theo đúng quy định. Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước cũng như các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện hiệu quả Chương trình xúc tiến đầu tư. Để tăng cường quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, định hướng các lĩnh vực tập trung kêu gọi đầu tư của tỉnh tới các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước, Trung tâm đã và đang phối hợp với các cơ quan đơn vị trong tỉnh tiếp tục cập nhật xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền, quảng bá về tỉnh Nam Định với tiêu đề “Nam Định - Môi trường đổi mới, hướng tới nhà đầu tư”. Bộ tài liệu đã được dịch ra tiếng Anh, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc,...

Tại Buổi làm việc, Bí thư Tỉnh ủy Nam Định Phạm Gia Túc nhấn mạnh: Năm 2021, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Nam Định tăng 16 bậc, xếp thứ 24 trong top khá, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) nằm trong nhóm trung bình cao của cả nước và chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) xếp thứ 40/63 tỉnh, thành phố, tăng 7 bậc so với năm 2020. Đồng thời, dự kiến GRDP 6 tháng đầu năm 2022 tăng 8,37%. Có được những thành quả tích cực trên là sự đóng góp của hệ thống chính trị, chính quyền, các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh cũng như lực lượng doanh nghiệp và người dân tỉnh Nam Định.

Năm 2021, khi tỉnh Nam Định quyết định sát nhập Trung tâm Phục vụ hành chính công và Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh là thực hiện chủ trương của tỉnh, tinh giản tổ chức bộ máy nhưng vẫn đảm bảo hiệu lực, hiệu quả và thực tế hoạt động của Trung tâm đã chứng minh sự đúng đắn, hiệu quả của quyết định trên.

Nam Định là tỉnh chưa cân đối về ngân sách, vùng trũng trong thu hút đầu tư, việc cải cách thủ tục hành chính rất quan trọng. Do đó, Bí thư Phạm Gia Túc yêu cầu đơn vị các cấp vào cuộc cải cách hành chính, làm tốt ngay từ cơ sở để giảm tải áp lực cho các đơn vị trên. Ngay Trung tâm phải có sự phối hợp chặt chẽ tạo thuận lợi tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp. Bí thư Tỉnh ủy cam kết tiếp tục hỗ trợ nhanh nhất, tối đa, đúng pháp luật để Trung tâm hoạt động hiệu quả.

*Nguồn: baodautu.vn*

## QUẢNG NGÃI: TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CHUYÊN ĐỔI SỐ

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành chỉ thị về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chuyên đổi số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Theo đó, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyên đổi số tỉnh (Ban Chỉ đạo tỉnh) cần tập trung thực hiện Kế hoạch số 271-KH/TU ngày 27/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong công tác xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số và chuyên đổi số. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể về hiện đại hóa nền hành chính của địa phương trong



chương trình tổng thể cải cách hành chính theo từng giai đoạn và hằng năm; tích cực triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

Người đứng đầu cấp ủy trực tiếp chủ trì, lãnh đạo thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn, lĩnh vực quản lý; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về các chủ trương, chính sách liên quan đến chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo phương châm: Nhận thức đóng vai trò quyết định; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; nền tảng số là đột phá; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin là then chốt; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công trong chuyển đổi số.

Chuyển đổi số phải hướng tới phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; lĩnh vực nào người dân, doanh nghiệp cần thì tập trung chuyển đổi trước. Tập trung phổ cập và phát triển công dân số; trong giai đoạn hiện nay, cần tập trung nguồn lực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số ở một số lĩnh vực trọng tâm như: Nông nghiệp và thương mại; giáo dục; y tế; giao thông vận tải và logistics; tài nguyên và môi trường; du lịch; tài chính - ngân hàng;...

Coi chuyển đổi số là “động lực” quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và có tính động, tính mở để phù hợp, đúng với định hướng, chỉ đạo của trung ương trong từng giai đoạn phát triển; là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành và địa phương.

Được biết, thời gian qua, các cấp ủy, chính quyền trong tỉnh đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo về xây dựng chính quyền điện tử, bước đầu hình thành chính quyền số, chuyển đổi số; hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh ngày càng được phát huy. Cổng dịch vụ công của tỉnh được vận hành tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh đã cung cấp hơn 800 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho người dân, doanh nghiệp; hệ thống thư điện tử dùng chung với hơn 11.000 tài khoản được triển khai đồng bộ đến cấp cơ sở; hệ thống quản lý văn bản và điều hành dùng chung thống nhất trong toàn tỉnh đã liên thông 4 cấp trong các cơ quan nhà nước và liên thông với các cơ quan đảng cấp huyện trong toàn tỉnh. Cổng thông tin điện tử của tỉnh, hệ thống phần mềm một cửa đã triển khai đồng bộ đến cấp xã; đưa vào vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh tỉnh; công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng được tăng cường, chú trọng;...

Tuy nhiên, việc xây dựng chính quyền điện tử, từng bước hình thành chính quyền số và chuyển đổi số của tỉnh vẫn còn một số hạn chế như: Chỉ số cải cách hành chính và chỉ số chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ngãi đứng ở vị trí thấp so với cả nước; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cũng như tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia chưa nhiều, người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn ít; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao; các ứng dụng chuyên ngành còn mang tính cục bộ, chưa kết nối để trao đổi dữ liệu và liên thông nghiệp vụ; chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin còn nhiều hạn chế,...

*Nguồn: baoquangngai.vn*

## THỪA THIÊN - HUẾ: KIẾN TẠO MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH MINH BẠCH, THUẬN LỢI

Tỉnh Thừa Thiên - Huế đang quyết tâm kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, công bằng và thuận lợi hơn nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Với tinh thần đổi mới và chuyển động mạnh mẽ, tỉnh Thừa Thiên - Huế đang quyết tâm kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, công bằng và thuận lợi hơn nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, địa phương cũng chủ động nhận diện và tháo gỡ những "nút thắt" nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trên địa bàn, qua đó tạo sức bật trong quá trình phục hồi kinh tế hiện nay.

### Thông thoáng thủ tục hành chính

Anh Lê Thanh Hiếu ở thành phố Huế đến Trung tâm Hành chính công tỉnh Thừa Thiên - Huế để làm thủ tục về cấp giấy phép đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất nước đá cảm thấy rất hài lòng khi được nhân viên tại đây hướng dẫn tận tình và giải quyết hồ sơ đúng hẹn.

Theo anh Hiếu, nhiều thủ tục hiện nay có thể dễ dàng kê khai thông tin trực tuyến, sau đó đợi nhận kết quả theo giấy hẹn, qua đó giảm thời gian đi lại và những chi phí không chính thức cho người dân và doanh nghiệp.

Tỉnh Thừa Thiên - Huế là một trong những địa phương sớm áp dụng mô hình Trung tâm Hành chính công một cửa cấp tỉnh. Tỉnh hiện có 2.231 thủ tục hành chính và tất cả đã được cung cấp lên cổng dịch vụ công trực tuyến; trong đó, mức độ 3, 4 chiếm khoảng 70%.

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Đại Vui cho biết, đối với các thủ tục hành chính liên quan đến thành lập mới doanh nghiệp hiện được đơn giản hóa và rút ngắn thời gian giải quyết so với trước đây, cụ thể là 5 ngày thay vì 13 ngày.

Bên cạnh đó, tỉnh Thừa Thiên - Huế còn là địa phương đi đầu cả nước trong ban hành các chính sách tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng chữ ký số; hỗ trợ chi phí hóa đơn điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử...

Theo Phó giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh Thừa Thiên - Huế Phạm Quang Trí, với phương châm "thân thiện, đúng hẹn và đơn giản", cán bộ của trung tâm luôn đề cao đạo đức công vụ nhằm phục vụ giải quyết tốt nhất các hồ sơ thủ tục hành chính, hướng đến sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Tuy nhiên, thời gian tới, trung tâm sẽ tiếp tục nghiên cứu, rà soát để tham mưu cho lãnh đạo tỉnh tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng mức sử dụng cổng dịch vụ công ở cấp huyện và cấp xã để phục vụ công dân được tốt hơn nữa.

Thời gian qua, công tác cải cách hành chính được tỉnh Thừa Thiên - Huế chỉ đạo quyết liệt với nhiều giải pháp đồng bộ, tạo chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực. Tỉnh Thừa Thiên - Huế đã xây dựng chính quyền điện tử với các sáng kiến trong phát triển đô thị thông

minh, hướng các hoạt động quản lý và điều hành địa phương trở nên phù hợp và thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Địa phương đã thực hiện quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của các cấp chính quyền và thiết lập 100% quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Tỉnh Thừa Thiên - Huế cũng triển khai ứng dụng rộng rãi dịch vụ công trực tuyến trên nền tảng thiết bị di động, tích hợp lên ứng dụng Hue-S với hơn 400.400 tài khoản công dân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia.

Với những nỗ lực trong việc triển khai các giải pháp nhằm cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, những năm gần đây, tỉnh Thừa Thiên - Huế tiếp tục có sự thăng hạng thứ bậc trong các công cụ đánh giá độc lập như: Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin (ICT-index)...

Mới đây, tỉnh Thừa Thiên - Huế đã tăng từ vị trí thứ 17 lên vị trí thứ 8 trong tổng số 63 tỉnh thành trên cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021. Trong đó, các chỉ số được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá rất cao là chỉ số chi phí không chính thức và chi phí thời gian. Đây là minh chứng cho những nỗ lực của quá trình cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư mà tỉnh Thừa Thiên - Huế đang thực hiện.

Từ đầu năm 2022 đến nay, tỉnh Thừa Thiên - Huế có hơn 270 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 2.257 tỷ đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế đã ban hành chấp thuận chủ trương đầu tư cho 11 dự án với tổng vốn đầu tư khoảng hơn 7.100 tỷ đồng.

Trong đó, chấp thuận 6 nhà đầu tư thực hiện dự án với tổng số vốn đăng ký khoảng 1.311 tỷ đồng. Đối với các dự án FDI, tính đến thời điểm hiện tại toàn tỉnh cấp mới giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 4 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký hơn 169 triệu USD.

### **Quản lý tiến độ các dự án**

Tổng nguồn vốn đầu tư công của tỉnh Thừa Thiên - Huế trong năm 2022 khoảng hơn 5.000 tỷ đồng, tính đến giữa tháng 5 tỷ lệ giải ngân ước đạt khoảng 27%. Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư, ngay từ đầu năm tỉnh đã thực hiện giao vốn sớm, trong đó ưu tiên cho những công trình trọng điểm, không phân bổ dàn trải.

Nhiều công trình đã nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục pháp lý để tiến hành khởi công như trong tháng 3/2022 đã khởi công tuyến đường bộ ven biển và cầu qua cửa biển Thuận An có tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là 2.400 tỷ đồng, nhằm mở ra không gian phát triển mới cho khu vực ven biển và đầm phá.

Dự kiến trong tháng 9/2022, tỉnh Thừa Thiên - Huế cũng sẽ khởi công dự án cầu vượt sông Hương với chiều dài khoảng 380m, chiều rộng 43m và đường Nguyễn Hoàng có chiều dài tuyến hơn 1 km, với tổng mức đầu tư trên 2.000 tỷ đồng.

Công tác quản lý tiến độ các dự án sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cũng như nguồn vốn ngoài ngân sách được lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên - Huế rất quan tâm. Đầu năm 2022, tỉnh Thừa Thiên - Huế đã thành lập 4 tổ công tác liên ngành đặc biệt về xúc tiến và hỗ

trợ đầu tư, do Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm tổ trưởng cùng với các thành viên là Giám đốc các sở, ban ngành chủ động tháo gỡ vướng mắc khó khăn, đảm bảo tiến độ các dự án.

Dự án nâng cấp, mở rộng đường Hà Nội là trục giao thông chính tại trung tâm thành phố Huế được thi công mở rộng từ đầu năm 2020 với tổng mức đầu tư gần 135 tỷ đồng. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, trong đó, có vướng giải phóng mặt bằng, điều chỉnh thiết kế đã làm chậm tiến độ của dự án.

Với sự vào cuộc của tổ công tác liên ngành đến nay dự án đang đẩy nhanh được tiến độ, nhà thầu huy động tối đa phương tiện máy móc và nhân lực làm ca đêm để phấn đấu thảm nhựa trong tháng 6/2022.

Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị giữ vai trò tham mưu, tổng hợp chính của 4 tổ công tác đặc biệt liên ngành. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Đại Vui cho biết: công tác chuẩn bị sẵn sàng trong quá trình kêu gọi đầu tư rất quan trọng, Sở đã phối hợp với các đơn vị liên quan chủ động trong công bố danh mục dự án kêu gọi đầu tư, công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai, thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử đất.

Hiện nay, các tổ công tác đang tiến hành rà soát, đánh giá tiến độ triển khai và tập trung hỗ trợ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho 4 nhóm dự án.

Cụ thể, nhóm các dự án đã được chấp thuận nhà đầu tư, hỗ trợ thủ tục để khởi công; nhóm các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, cần hỗ trợ để lựa chọn nhà đầu tư; nhóm các dự án đang lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư; nhóm các dự án đang ở bước quy hoạch, chưa thực hiện các thủ tục khác.

Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế Nguyễn Văn Phương, kết quả bước đầu khi các tổ công tác này đi vào hoạt động cho thấy, nhiều vướng mắc của các dự án được giải quyết nhanh chóng, kịp thời hơn.

Thời gian tới, các tổ công tác này sẽ giao trách nhiệm tới từng chuyên viên các cơ quan chuyên môn của tỉnh phụ trách từ 7 - 10 dự án, với nhiệm vụ hỗ trợ tích cực nhà đầu tư trong việc hoàn thành các thủ tục có liên quan, xử lý từng nội dung công việc vướng mắc, kịp thời cập nhật, báo cáo và hướng tới xây dựng phần mềm để quản lý tự động hóa quy trình này.

Để đảm bảo tiến độ triển khai các dự án, nhất là dự án đầu tư công, theo Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành Trung ương cần có giải pháp bình ổn giá cả, nếu không sẽ ảnh hưởng lớn đến chi phí vật liệu đầu vào của các dự án, tạo thêm khó khăn cho doanh nghiệp sau khi đã trúng thầu.

Đồng thời, Chính phủ cũng cần hoàn thiện quy định pháp luật để kiểm soát năng lực của nhà thầu cũng như các đơn vị tư vấn nhằm loại bỏ những đơn vị yếu kém; đối với công tác giải phóng mặt bằng phải tách thành gói riêng.

Bên cạnh đó, đối với nguồn vốn đầu tư công chuyển tiếp từ năm trước qua năm sau kiến nghị Chính phủ nên phân quyền cho Hội đồng Nhân dân các cấp quyết định nhằm sớm bố trí nguồn vốn để thực hiện.



## AN GIANG: TĂNG CƯỜNG TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Nguyễn Thanh Bình ban hành Kế hoạch 347/KH-UBND tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022.

Nội dung tuyên truyền phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về cải cách hành chính. Tuyên truyền vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập đối với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, đưa tin, bài về thực hiện công tác cải cách hành chính thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội. Tổ chức cuộc thi, hội thi cải cách hành chính; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cải cách hành chính...

Mục tiêu nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm tổ chức thực hiện cải cách hành chính của cán bộ quản lý các cấp, cán bộ, công chức, viên chức; tạo sự đồng thuận của người dân, tổ chức, xã hội về việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước.

*Nguồn: baoangiang.com.vn*

## VĨNH LONG: ĐẢM BẢO 100% THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XỬ LÝ VÀ KIỂM SOÁT BẰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã có Quyết định ban hành Kế hoạch áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2022.

Theo đó, mục đích của kế hoạch nhằm tiếp tục áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, công việc nội bộ của cơ quan.

Yêu cầu đặt ra phải đảm bảo việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phải phù hợp theo yêu cầu tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Phạm vi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phải đảm bảo 100% thủ tục hành chính, một số công việc nội bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao được xử lý và kiểm soát bằng Hệ thống quản lý chất lượng...

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến về lợi ích của Hệ thống quản lý chất lượng, giúp cán bộ, công chức, viên chức nhận thức rằng việc xây dựng, áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng tại cơ quan là trách nhiệm được quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg

của Thủ tướng Chính phủ. Đảm bảo hàng năm đạt 100% số điểm của Tiêu chí/Tiêu chí Thành phần 7.4 trong bộ Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh. Hệ thống này sẽ áp dụng cho 143 cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh gồm 28 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; 8 cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; 107 cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Theo Kế hoạch, các nội dung sẽ tập trung thực hiện như: Tiếp tục triển khai quán triệt nội dung Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; Biểu dương, khen thưởng, khuyến khích công chức, viên chức trong việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại đơn vị; Tiếp tục công tác áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng; Xây dựng hệ thống văn bản, tài liệu và các quy trình xử lý công việc hợp lý phù hợp Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng và yêu cầu TCVN ISO 9001:2015.

Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng trên thực tế hệ thống văn bản, tài liệu; thực hiện đánh giá nội bộ, khắc phục các điểm không phù hợp (nếu có); lãnh đạo tiến hành xem xét, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo phù hợp yêu cầu theo yêu cầu; Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Đồng thời, việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phải thực hiện hàng năm.

*Nguồn: tapchitaichinh.vn*

# SỰ LÃNH ĐẠO ĐÚNG ĐẮN, SÁNG SUỐT CỦA ĐẢNG - YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong cách mạng giải phóng dân tộc trước đây và trong thời kỳ đổi mới hiện nay đã tạo nên vị thế, diện mạo mới để Việt Nam chủ động hội nhập, phát triển; trong đó, sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng là yếu tố đặc biệt quan trọng, đóng vai trò quyết định.

## 1. Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta

Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập đã chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước kéo dài mấy thập kỷ, đồng thời chứng tỏ giai cấp vô sản Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam đi theo con đường mới - con đường cách mạng vô sản. Đảng chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để tiến tới xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Mặc dù trong những năm đầu mới thành lập, Đảng ta phải hoạt động bí mật, nhưng với đường lối lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn đã được xác định trong Cương lĩnh của Hội nghị thành lập Đảng năm 1930 là chống đế quốc và chống phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, mặc dù có giai đoạn cách mạng thoái trào, nhưng Đảng ta đã giành được những thắng lợi quan trọng. Nói về thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”(1).

Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước ta ở trong hoàn cảnh “ngàn cân treo sợi tóc” và phải đương đầu với kẻ thù có vũ khí hiện đại, trong khi lực lượng của ta nhỏ bé, ít kinh nghiệm, vũ khí thô sơ, lạc hậu. Song, Đảng ta vẫn kiên định chủ trương vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, bồi dưỡng sức dân về tinh thần và vật chất. Đặc biệt là quan tâm, chăm lo dân chủ, chú trọng quyền công dân, thi hành chính sách giảm tô, giảm tức, phát động quần chúng cải cách ruộng đất, hoàn thành thực hiện người cày có ruộng.

Nhờ chính sách đúng đắn, kịp thời, linh hoạt của Đảng, Nhân dân ta đoàn kết một lòng, muôn người như một đã anh dũng chiến đấu để làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, buộc Chính phủ Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ (ngày 20/7/1954), lập lại hòa bình ở Đông Dương. Sự kiện này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”(2).

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (1954), đất nước tạm bị chia cắt, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến hai miền. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam vẫn bị đế quốc Mỹ chiếm đóng. Từ đây, cách mạng Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ phải tiến hành đồng thời, đó là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, với mục tiêu chung là củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên nền tảng độc lập và dân chủ.

Cùng một lúc phải tiến hành hai chiến lược, hai nhiệm vụ cách mạng là điều chưa từng có tiền lệ trong lịch sử Việt Nam và thế giới. Để giải quyết nhiệm vụ to lớn và quan trọng đó, Đảng ta đề ra đường lối đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của đất nước và thế giới, đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân. Đối với miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Miền Bắc nhất định phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mà đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”(3). Đối với nhiệm vụ cách mạng miền Nam và cả nước, Người chỉ rõ: “Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ trong cả nước; ra sức củng cố và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới”(4).

Trong bài viết "Hồ Chí Minh - một nhà tư tưởng lớn", Giáo sư Singo Shibata (Nhật Bản) khẳng định: “Một trong những cống hiến quan trọng của Cụ Hồ Chí Minh và Đảng Lao động Việt Nam là đã đề ra lý luận về chủ nghĩa xã hội khi vẫn tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân. Theo tôi được biết Đảng Lao động Việt Nam là Đảng đầu tiên trong các Đảng mácxít trên thế giới vận dụng lý luận này”(5). Thực tiễn cho thấy, dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta đã tỏ rõ trí tuệ, bản lĩnh và sáng tạo, lãnh đạo Nhân dân giành những thắng lợi to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chống đế quốc Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Một trong những nguyên nhân quan trọng nhất đưa tới thành công là nhờ Đảng ta luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh trao lại cho các thế hệ kế tiếp. Thời kỳ 1930 - 1945, độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp, còn chủ nghĩa xã hội là định hướng tiến lên của độc lập dân tộc, làm cho độc lập dân tộc mang tính cách mạng triệt để hơn bao giờ hết. Thời kỳ 1945 - 1954, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được thể hiện ở việc tiến hành nhiệm vụ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, trong đó chứa đựng những tiền đề về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội cho chủ nghĩa xã hội. Thời kỳ 1954 - 1975, ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thể hiện rõ ở việc tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, đó là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Từ khi cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong 35 năm đổi mới, Đảng ta đã nắm vững, vận dụng sáng tạo phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời kế thừa, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng sáng tạo kinh nghiệm thế giới; không ngừng làm giàu trí tuệ,



kinh nghiệm, bản lĩnh, phương pháp, nâng cao phẩm chất đạo đức. Đường lối của Đảng thể hiện ở sự đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, kịp thời giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Đảng ta thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu, thể hiện bản chất của một Đảng cách mạng chân chính, đạo đức, văn minh, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Đảng luôn chú trọng phòng, chống những nguy cơ sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu, sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên. Mặt khác, Đảng ta tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung và cán bộ cấp chiến lược nói riêng đủ phẩm chất, năng lực và uy tín để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

## **2. Đảng ta luôn thực hiện đúng ý nguyện của Nhân dân, đoàn kết, đồng tâm, hiệp lực để lãnh đạo cách mạng đi đến thắng lợi**

Trong tác phẩm “Đường Kách mệnh” (viết năm 1927), Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ cho mọi người hiểu vì sao cách mạng là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hay hai người. Người chỉ rõ cách mạng Pháp năm 1789, cách mạng Nga năm 1917 đã dạy cho chúng ta rằng, dân chúng công nông là gốc của cách mạng; đàn bà, trẻ con cũng giúp cách mạng được nhiều. Những tư tưởng nêu trên của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc không chỉ được truyền bá trong lớp thanh niên yêu nước đầu tiên của Việt Nam, mà còn thể hiện nhất quán, xuyên suốt từ khi Đảng ta ra đời cho đến nay.

Mỗi thời kỳ cách mạng tùy theo hoàn cảnh, điều kiện cụ thể, Đảng ta thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất với những tên gọi khác nhau. Thời kỳ 1936 - 1939 gắn liền với Mặt trận Dân chủ chống phát xít và phản động thuộc địa ở Đông Dương, với phong trào đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, uy tín của Đảng ta được mở rộng và ăn sâu vào quần chúng nhân dân.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 gắn liền với Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc. Khẳng định tính chất lúc bấy giờ của cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng ta nêu khẩu hiệu chính là đoàn kết toàn dân, tạm thời gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ đề ra chính sách giảm tô, giảm tức và tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho dân cày. Với chương trình rõ ràng, thiết thực, phù hợp với nguyện vọng của toàn dân, Mặt trận Việt Minh đã đoàn kết được mọi lực lượng yêu nước, trong đó có cả giai cấp địa chủ, chống đế quốc và tay sai. Thắng lợi đó đã chứng tỏ rằng: “Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh, và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng. Nó cũng dạy chúng ta rằng: Phải hết sức tránh những bệnh chủ quan, hẹp hòi.v.v.”(6).

Chín năm kháng chiến trường kỳ gian khổ (1945 - 1954), Đảng ta đã phát huy sức mạnh, mở rộng và củng cố Mặt trận Dân tộc thống nhất, từ Mặt trận Việt Minh đi tới Mặt trận Liên Việt - Việt Minh. Một trong những thành công lớn là Đảng đã khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, huy động lòng hăng hái, quyết tâm của toàn dân bằng phong trào thi đua yêu nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu quyết tâm phải sửa đổi lối làm việc, chống thói quan liêu, mệnh lệnh, xa dân, coi thường quần chúng, đồng thời đề cao lối làm việc quần chúng, từ

trong quần chúng ra và trở lại nơi quần chúng. Người khảng định phải theo đúng đường lối nhân dân, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hành dân vận theo phương châm “bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn, lực lượng đều ở nơi dân”; “có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”(7); “Làm đúng ý nguyện của dân thì ắt thành. Làm trái ý nguyện của dân thì ắt bại”(8).

Thắng lợi vẻ vang sau 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc một lần nữa khảng định sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta khơi dậy, tập hợp. Lòng yêu nước và sự đoàn kết của Nhân dân dưới sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng là cội nguồn sức mạnh đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc và góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Chiến tranh kết thúc, đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới với phương châm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, mà trước hết yêu cầu “trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”(9).

“Lấy dân làm gốc” thể hiện tư tưởng của một đảng cầm quyền chân chính cách mạng, đạo đức, văn minh. Đảng cầm quyền thì phải chăm lo, củng cố sự liên hệ giữa Đảng với Nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng của Nhân dân; khơi dậy được lòng hăng hái, đồng tình ủng hộ của quần chúng. Mỗi đảng viên phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của Nhân dân; thường xuyên đấu tranh ngăn chặn thói quan liêu, mệnh lệnh, coi thường và xa rời quần chúng, đi ngược lại với lợi ích của quần chúng.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là sau khi trở thành đảng cầm quyền và đặc biệt từ khi lãnh đạo đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng ta đã lãnh đạo đất nước, lãnh đạo nhân dân giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Cụ thể, năm 1989 tổng sản phẩm nội địa (GDP) của Việt Nam mới đạt 6,3 tỷ USD, nhưng đến năm 2020 quy mô nền kinh tế Việt Nam đã đạt 268,4 tỷ USD. Trong khu vực ASEAN, quy mô nền kinh tế Việt Nam hiện đã đứng thứ 4. Cùng với đó, đời sống Nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Như vậy, so với trước Đổi mới, quy mô nền kinh tế đã khác, “bộ mặt”, diện mạo nền kinh tế, cũng như đời sống Nhân dân đã khác... Đó chính là cơ sở, tiềm lực, vị thế mà ngày nay Việt Nam đã gây dựng được(10).

Có được thành quả đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, nhưng một trong những nguyên nhân mà cũng là bài học chủ yếu là nhờ Đảng đã có đường lối lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn, luôn lấy dân làm gốc, theo đúng đường lối Nhân dân, làm đúng ý nguyện của Nhân dân, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng

ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được thành tựu hôm nay”(11). Đó cũng chính là một trong những bài học kinh nghiệm lớn được Đảng ta đúc rút trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), đó là: “Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”(12).

*ThS. Đặng Công Thành, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng*

*Nguồn: tcnn.vn*

-----

**Ghi chú:**

(1), (6) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2011, tr.25, tr.21.

(2), (3), (4) Sđd, tập 12, tr.410, tr.411, tr.411.

(5) Viện Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb Lao động, H.1993, tr.62.

(7) Sđd, tập 5, tr.335.

(8) Sđd, tập 10, tr.63.

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, H.1987, tr.29.

(10) Nguồn:<http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/nhip-song-tai-chinh/2020-11-13/vietnam-dang-co-co-do-vi-the-vung-chac-tren-duong-doi-moi-95160.aspx>

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1996, tr.73.

(12) Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2011, tr.9.

## CHUYỂN ĐỔI SỐ 'ĐỘNG LỰC CÁI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH'

Việt Nam đang trong quá trình 'Chuyển đổi số' và một số kết quả của nó đã được người dân, cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận... qua Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2021...

Trả lời báo chí về các chỉ số này, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, cho biết cần phải thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia thật mạnh mẽ, đồng bộ, toàn diện từ Trung ương đến cấp cơ sở...

**Phóng viên:** Thưa bà, qua sự công bố của Chính phủ về các Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 cho thấy, dù rất khó khăn vì đại dịch COVID-19 nhưng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp vẫn được tăng lên. Xin bà nói rõ thêm về vấn đề này?

**Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà:** Có thể nói, trong bối cảnh đặc biệt khó khăn của năm 2021 do tác động của đại dịch COVID-19 nhưng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương đã hết sức quan tâm chú trọng thúc đẩy cải cách hành chính, góp phần vào việc xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân một cách tốt hơn. Các chỉ số Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số cải cách hành chính vừa công bố cho thấy niềm tin của người dân và cộng đồng doanh nghiệp vào sự lãnh đạo của Đảng và sự hiệu quả trong quản lý, điều hành của Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp, thể hiện rõ nét ở những điểm sau:

Thứ nhất, sự hài lòng của người dân đối với cơ quan hành chính đã được nâng lên. Giá trị trung bình của chỉ số này đã đạt được 87,16%, là chỉ số đáng ghi nhận, tăng hơn so với năm 2020. Cải cách hành chính đã có những chuyển biến tích cực, nhất là cải cách về thể chế có chuyển biến, chất lượng và hiệu quả xây dựng thể chế, chính sách đã được quan tâm, chỉ đạo một cách rất đồng bộ và quyết liệt.

Thứ hai, cải cách thủ tục hành chính, mà nổi lên là dịch vụ công trực tuyến quốc gia đạt kết quả rất tích cực. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đã đạt được 76%, trong khi năm 2020 chỉ đạt được 30%.

Thứ ba, việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đã đạt được mục tiêu đề ra theo sự chỉ đạo của Trung ương.

Thứ tư, các địa phương rất nỗ lực thúc đẩy nhanh việc thực hiện chuyển đổi số quốc gia, góp phần tích cực vào việc xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử, từ đó làm cơ sở, nền tảng quan trọng để đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia.

**Phóng viên:** Đó là những nét nổi bật đã được đo lường qua các chỉ số. Nhưng thực tế vẫn còn không ít những phản nản trong thủ tục hành chính, văn bản pháp luật chưa đáp ứng được cho người dân, doanh nghiệp. Bà nhìn nhận việc này như thế nào?



**Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà:** Đúng vậy, dù đạt được những kết quả khích lệ như đã nêu trên, chúng ta phải thẳng thắn nhìn nhận công tác cải cách hành chính vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Đó là việc xây dựng thể chế chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện có những mặt chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Đây cũng là rào cản cho sự phát triển kinh tế - xã hội, cũng như sự phục hồi kinh tế - xã hội của chúng ta trong năm 2021.

Ngoài ra, việc thực hiện cải cách hành chính còn có những mặt hạn chế, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh, ảnh hưởng đến mong đợi của người dân đối với một nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp và một nền hành chính chúng ta đang hướng tới là phục vụ nhân dân. Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp vẫn còn có mặt hạn chế và bất cập....

**Phóng viên:** Thưa bà, vậy trong thời gian tới, các Bộ, ngành, địa phương cần phải làm như thế nào để công tác cải cách hành chính đạt được kết quả tốt nhất?

**Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà:** Thời gian tới, chúng ta còn rất nhiều việc phải làm, trong đó trọng tâm, cốt lõi có 5 nội dung cơ bản.

Một là, tập trung một cách đồng bộ, quyết liệt cho cải cách thể chế, chính sách để tháo gỡ mọi rào cản; tập trung nguồn lực để thúc đẩy phát triển, hồi phục kinh tế - xã hội nhanh nhất.

Hai là, tiếp tục tập trung cao cho cải cách thủ tục hành chính, nhất là phát huy cao độ hơn nữa dịch vụ công trực tuyến để đảm bảo đẩy mạnh chuyển đổi số trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Ba là, phải xác định việc sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với việc phát huy cao hơn nữa chất lượng của nền hành chính trong yêu cầu mới. Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Bốn là, quan tâm, chú trọng cải cách chế độ công vụ, công chức, nâng cao văn hóa công vụ để phát huy được trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc phục vụ người dân, doanh nghiệp một cách đảm bảo đạt yêu cầu tốt hơn.

Năm là, nhiệm vụ rất cấp bách và quan trọng là tập trung cao cho việc thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia thật mạnh mẽ, đồng bộ và toàn diện từ Trung ương đến cấp cơ sở. Đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực cải cách nền hành chính. Thông qua đó, thúc đẩy Chính phủ số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số.

Năm nhiệm vụ trên hết sức quan trọng để chúng ta đẩy mạnh cải cách hành chính, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước thực sự là nền hành chính của dân, do dân và vì dân.

**Phóng viên:** Với vai trò là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ Nội vụ sẽ có những giải pháp gì để đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, thưa bà?

**Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà:** Chúng tôi sẽ tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và tổ chức kế hoạch cải cách hành chính hàng năm đồng bộ, toàn diện, trong đó, xác định rõ

trọng tâm, trọng điểm và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, góp phần tạo chuyên biến mạnh mẽ, xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, trong sạch, phục vụ nhân dân. Tiếp tục triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, lắng nghe ý kiến người dân để có cơ sở khách quan cho việc ra quyết định chính sách, thiết kế, cung ứng dịch vụ công đảm bảo lấy người dân làm trung tâm phục vụ, nâng cao chất lượng sống và mang lại sự hài lòng cho người dân.

Bộ Nội vụ sẽ tham vấn các chuyên gia, nhà khoa học, học giả, cán bộ, công chức và người dân để có những cải tiến trong đánh giá, đảm bảo những nội dung, tiêu chí đánh giá đáp ứng được yêu cầu của công tác cải cách hành chính của Chính phủ, phản ánh sát thực tiễn xã hội hiện nay đồng thời bắt kịp với xu thế phát triển của nền hành chính trên thế giới.

Với vai trò là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành địa phương có giải pháp cụ thể, đổi mới sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, đặc biệt là trong hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính, gắn với việc nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện từng nhiệm vụ cải cách hành chính được giao.

Đồng thời, tăng cường kiểm tra, thanh tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiên quyết xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, tham nhũng, tiêu cực và gây phiền hà cho Nhân dân.

**Phóng viên:** Xin cảm ơn Bộ trưởng!

*Nguồn: [vneconomy.vn](http://vneconomy.vn)*

## CHUYỂN ĐỔI SỐ CẦN BÁM SÁT VÀ LẤY THỰC TIỄN LÀM THƯỚC ĐO

Trong kết luận phiên họp thứ 2 của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã nhấn mạnh quan điểm triển khai chuyển đổi số là cần bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo.

### **Cần liên tục đổi mới, có tư duy đột phá trong chuyển đổi số**

Văn phòng Chính phủ vừa có thông báo truyền đạt kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số tại phiên họp thứ hai của Ủy ban vào ngày 27/4.

Cùng với việc đánh giá những kết quả đã đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế trong công tác triển khai chuyển đổi số thời gian qua, người đứng đầu Chính phủ chỉ rõ: Chuyển đổi số quốc gia là công việc lớn, có nhiều khó khăn, thách thức, phải nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của chuyển đổi số trong sự phát triển chung của đất nước, thực hiện các mục tiêu

quan trọng của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra, yêu cầu của sự phát triển gắn với thực tiễn.

Để thực hiện được các mục tiêu đề ra, đòi hỏi phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả, thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào dứt điểm việc đó để phát triển nhanh hơn, bền vững hơn. Ủy ban hợp định kỳ hàng quý, 6 tháng, 1 năm cần có những sản phẩm nhất định, hiệu quả cụ thể, kiểm điểm được, mang lại lợi ích quốc gia, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Cũng trong kết luận phiên họp này, Thủ tướng Chính phủ đã thống nhất một số quan điểm trong việc triển khai chuyển đổi số, cụ thể: Cần liên tục đổi mới, có tư duy đột phá và tầm nhìn chiến lược, kế thừa, phát huy hơn nữa những kết quả đã đạt được nhằm tạo không gian phát triển mới, động lực mới. Có tư duy đột phá để tạo ra nguồn lực có tính chất đột phá vì nguồn lực xuất phát từ tư duy và phải có tầm nhìn chiến lược, dài hạn, phát triển có lộ trình, an toàn, bền vững, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước.

Cùng với đó, phát huy tính chủ động, sáng tạo và huy động mọi nguồn lực, thúc đẩy chuyển đổi số gắn với thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo, nói phải đi đôi với làm và phải có kết quả, sản phẩm cụ thể.

Sử dụng tài nguyên thông tin, dữ liệu thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, có tính kết nối, liên thông cao. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm, đề cao trách nhiệm người đứng đầu và phải đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ được phân cấp, phân quyền, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát.

Đồng thời, cần hài hòa lợi ích giữa nhà nước, người dân và doanh nghiệp; coi trọng công tác truyền thông, tạo sự ủng hộ, đồng thuận của người dân và doanh nghiệp. Tăng cường theo dõi, kiểm tra, giám sát để đánh giá, đo lường kết quả công việc, kịp thời nhân rộng những mô hình hay, kết quả tốt và phê bình, kiểm điểm các công việc không hoàn thành, kém chất lượng.

### **Đẩy nhanh triển khai mô hình giáo dục đại học số**

Về nhiệm vụ trọng tâm trong Quý II năm 2022 và thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Bộ, ngành, địa phương khẩn trương, quyết liệt tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển Chính phủ số, Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số, kế hoạch năm 2022 của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số.

Thủ tướng yêu cầu Bộ Thông tin và Truyền thông sớm tham mưu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban thành lập Văn phòng hoặc bộ phận tham mưu cho Ủy ban để kiện toàn bộ máy giúp việc có hiệu quả, nhưng không làm tăng thêm đầu mối về tổ chức, bộ máy, biên chế.

Hoàn thành đánh giá, công bố chính thức danh sách các nền tảng số đáp ứng yêu cầu phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Phối hợp với Đoàn Thanh

niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan nghiên cứu việc triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng, dựa vào phong trào thanh niên, phải có trọng tâm, trọng điểm, vừa có lợi ích quốc gia, lợi ích chung gắn với lợi ích cá nhân để tạo động lực cho mỗi người.

Bộ Thông tin và Truyền thông cũng được yêu cầu chủ động đôn đốc, kiểm tra, điều phối các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh các nhiệm vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ, cơ quan liên quan tham mưu đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ việc đổi tên đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin đảm bảo thống nhất, phù hợp với định hướng cải cách, tinh gọn bộ máy.

Bộ Công an khẩn trương hoàn thành dự thảo Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; chủ trì việc hoàn thiện dự thảo Nghị định về định danh và xác thực điện tử để trình Chính phủ ban hành trong tháng 5; tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia (Đề án 06)...

Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm phối hợp cùng Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra, theo dõi, đôn đốc thực hiện các chương trình chung của Ủy ban. Tập trung xây dựng, phát triển, đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo thời gian thực, có công cụ phân tích dữ liệu, dự báo hỗ trợ chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu số.

Đồng thời, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương hoàn thành cung cấp 25 dịch vụ công thiết yếu theo đúng tiến độ Đề án 06.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, cơ quan liên quan đẩy nhanh triển khai mô hình giáo dục đại học số, hoàn thành đề án thí điểm trong Quý II; chỉ đạo các cơ sở đào tạo sẵn sàng chấp nhận thanh toán học phí theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương thúc đẩy phát triển thương mại điện tử. Bộ Tài nguyên và Môi trường đẩy nhanh tiến độ triển khai cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, sẵn sàng phương án và sớm đưa vào vận hành, khai thác.

*Nguồn: vietnamnet.vn*



## CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI

**\* Ngày 30/5, Chính phủ ban hành Nghị định số 36/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.**

Nghị định nêu rõ, khách hàng vay vốn được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 1. Có khoản vay đáp ứng các điều kiện sau: a) Thuộc các chương trình tín dụng chính sách do Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo: Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; văn bản ủy thác của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức phi Chính phủ, các cá nhân trong và ngoài nước; hiệp định, hợp đồng vay lại từ nguồn vốn ODA và ưu đãi nước ngoài; thỏa thuận tài trợ nước ngoài khác; b) Có lãi suất vay vốn trên 6%/năm; c) Được Ngân hàng Chính sách xã hội giải ngân và có phát sinh dư nợ trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất. 2. Khách hàng vay vốn đúng đối tượng vay vốn và sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định.

Thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất là từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2023 hoặc khi Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo kết thúc thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định tùy theo thời điểm nào đến trước.

Thời gian vay được hỗ trợ lãi suất được xác định từ thời điểm giải ngân khoản vay đến thời điểm khách hàng trả hết nợ gốc nhưng không nằm ngoài thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất.

Mức hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn là 2%/năm tính trên số dư nợ vay của các khoản giải ngân được giải ngân trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất và thời gian vay được hỗ trợ lãi suất.

Nghị định nêu rõ, việc hỗ trợ lãi suất bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, tránh trục lợi chính sách.

Ngân sách nhà nước bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn vốn hỗ trợ lãi suất để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng. Tổng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất tối đa là 3 nghìn tỷ đồng.

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện hỗ trợ lãi suất đảm bảo đúng quy định, tạo thuận lợi cho khách hàng. Không thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với dư nợ quá hạn hoặc được gia hạn nợ.

Về phương thức hỗ trợ lãi suất, ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội và thực hiện chi trả số tiền hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

Hằng tháng, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện tính số tiền lãi được hỗ trợ và giảm trừ vào số tiền lãi phải trả của khách hàng vay vốn.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Các khoản vay đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này được Ngân hàng Chính sách xã hội giải ngân trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hoàn thành việc tất toán khoản vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này.

**\* Ngày 28/5, Chính phủ ban hành Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.**

Nghị định gồm 08 Chương và 76 Điều, quy định những vấn đề chung; đầu tư hạ tầng, thành lập khu công nghiệp, khu kinh tế; chính sách phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế; một số loại hình khu công nghiệp và khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị; hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế; quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp, khu kinh tế; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; và điều khoản thi hành.

Trong đó, về việc đầu tư hạ tầng, xây dựng khu công nghiệp, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP bãi bỏ thủ tục thành lập khu công nghiệp nhằm giảm bớt thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Theo đó, khu công nghiệp được xác định là đã được thành lập kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công; b) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Bên cạnh đó, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP cũng hoàn thiện điều kiện đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (tỷ lệ lấp đầy, quy mô khu công nghiệp, năng lực của nhà đầu tư và một số điều kiện khác) trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và căn cứ quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 Luật Đầu tư nhằm đảm bảo sự phù hợp với đặc thù của dự án hạ tầng khu công nghiệp.

Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây: 1. Điều kiện kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản. 2. Điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài dự kiến thành lập theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp thì tổ chức kinh tế dự kiến thành lập phải có khả năng đáp ứng điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trường hợp chọn áp dụng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thì các tiêu chuẩn đánh giá để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp bao gồm: a) Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực của nhà đầu tư được xây dựng trên cơ sở các điều kiện quy định; b) Tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm của nhà đầu tư được xây dựng trên cơ sở quy mô diện tích, tiến độ thực hiện, tình hình thực hiện của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp hoặc dự án bất động sản khác mà nhà đầu tư đã thực hiện hoặc đã góp vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án; chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập là tổ chức của nhà đầu tư đã thực hiện hoặc đã góp vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án; c) Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở nội dung Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp của cấp có thẩm quyền và quy định khác của pháp luật có liên quan; d) Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại được xây dựng trên cơ sở nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền và quy định khác của pháp luật có liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

Nghị định cũng quy định điều kiện chuyển đổi khu công nghiệp sang phát triển khu đô thị - dịch vụ gồm: a) Phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; b) Khu công nghiệp nằm trong khu vực nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh; c) Thời gian hoạt động từ ngày khu công nghiệp được thành lập đến thời điểm xem xét chuyển đổi tối thiểu là 15 năm hoặc một phần hai (1/2) thời hạn hoạt động của khu công nghiệp; d) Có sự đồng thuận của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và trên hai phần ba (2/3) số doanh nghiệp trong khu công nghiệp tại khu vực dự kiến chuyển đổi, trừ các trường hợp: dự án đầu tư đã hết thời hạn hoạt động theo quy định của pháp luật về đầu tư; dự án đầu tư không đủ điều kiện gia hạn cho thuê lại đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về dân sự; dự án đầu tư gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc diện buộc phải di dời theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đ) Có hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường.

Việc chuyển đổi khu công nghiệp sang phát triển khu đô thị - dịch vụ được thực hiện đối với một phần hoặc toàn bộ diện tích khu công nghiệp.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần diện tích của khu công nghiệp sang phát triển khu đô thị - dịch vụ thì chủ đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án khu đô thị - dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về kinh doanh bất động sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/7/2022. Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế hết hiệu lực kể

từ ngày Nghị định này có hiệu lực, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 và Khoản 4 Điều 74 của Nghị định này.

**\* Ngày 28/5, Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2022/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022.**

Theo đó, đối tượng được gia hạn tại Nghị định số 34/2022/NĐ-CP gồm:

1. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế sau: a) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; b) Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất kim loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; c) Xây dựng; d) Hoạt động xuất bản; hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc; đ) Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (không gia hạn đối với thuế thu nhập doanh nghiệp của dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thu theo hiệp định, hợp đồng); e) Sản xuất đồ uống; in, sao chép bản ghi các loại; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); sản xuất mô tô, xe máy; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị; g) Thoát nước và xử lý nước thải.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế sau: a) Vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động kinh doanh bất động sản; b) Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; c) Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; hoạt động thể thao, vui chơi giải trí; hoạt động chiếu phim; d) Hoạt động phát thanh, truyền hình; lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính; hoạt động dịch vụ thông tin; đ) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; sản phẩm cơ khí trọng điểm.

4. Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được xác định theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngành kinh tế, lĩnh vực của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định tại (1), (2), (3) nêu trên là ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp, tổ chức, hộ



gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát sinh doanh thu trong năm 2021 hoặc 2022.

Nghị định quy định gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất. Cụ thể, đối với thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu), gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp (bao gồm cả số thuế phân bổ cho các địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính, số thuế nộp theo từng lần phát sinh) của kỳ tính thuế từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2022 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng) và kỳ tính thuế quý I, quý II năm 2022 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo quý) của các doanh nghiệp, tổ chức. Thời gian gia hạn là 06 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2022 và quý I năm 2022, thời gian gia hạn là 05 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 6 năm 2022 và quý II năm 2022, thời gian gia hạn là 04 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 7 năm 2022, thời gian gia hạn là 03 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 8 năm 2022. Thời gian gia hạn được tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế được gia hạn dẫn đến làm tăng số thuế giá trị gia tăng phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn bao gồm cả số thuế phải nộp tăng thêm do khai bổ sung.

Các doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được gia hạn thực hiện kê khai, nộp Tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng, quý theo quy định của pháp luật hiện hành, nhưng chưa phải nộp số thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh trên Tờ khai thuế giá trị gia tăng đã kê khai. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của tháng, quý được gia hạn như sau: Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 3/2022 chậm nhất là ngày 20/10/2022. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 4/2022 chậm nhất là ngày 20/11/2022. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 5/2022 chậm nhất là ngày 20/12/2022. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 6/2022 chậm nhất là ngày 20/12/2022. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 7/2022 chậm nhất là ngày 20/12/2022. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 8/2022 chậm nhất là ngày 20/12/2022. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế Quý I năm 2022 chậm nhất là ngày 30/10/2022. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế Quý II năm 2022 chậm nhất là ngày 31/12/2022.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế giá trị gia tăng riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, tổ chức tại (1), (2), (3) nêu trên không có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành kinh tế, lĩnh vực được gia hạn thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng.

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của Quý I, Quý II kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 của doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được quy định nêu trên. Thời gian gia hạn là 03 tháng,

kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế thu nhập doanh nghiệp riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, tổ chức tại (1), (2), (3) nêu trên không có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành kinh tế, lĩnh vực được gia hạn thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phải nộp phát sinh năm 2022 của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các ngành kinh tế, lĩnh vực quy định tại (1), (2), (3) nêu trên. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp số tiền thuế được gia hạn chậm nhất là ngày 30/12/2022.

Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2022 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh cá nhân thuộc đối tượng quy định đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 06 tháng kể từ ngày 31/5/2022 đến ngày 30/11/2022.

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân có nhiều Quyết định, Hợp đồng thuê đất trực tiếp của nhà nước và có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực quy định tại (1), (2), (3) và (5) nêu trên.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều ngành kinh tế khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực quy định thì: doanh nghiệp, tổ chức được gia hạn toàn bộ số thuế giá trị gia tăng, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được gia hạn toàn bộ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo hướng dẫn tại Nghị định này.

Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế được gia hạn trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 28/5/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

**\* Ngày 27/5, Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường.**

Nghị định này quy định về ngạch công chức Quản lý thị trường; thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra; phương tiện làm việc, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường.

Về ngạch công chức Quản lý thị trường, Nghị định nêu rõ Bộ Công Thương quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với ngạch công chức Quản lý thị trường sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

Nghị định quy định người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra của cán bộ quản lý thị trường đối với việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân trong kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại quy định tại Khoản 1 Điều 21 Pháp lệnh Quản lý thị trường bao gồm: a) Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường; b) Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường; Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh) gồm: Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Cục trưởng Cục Quản lý thị trường liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; c) Đội trưởng Đội Quản lý thị trường trực thuộc Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh gồm: Đội trưởng Đội Quản lý thị trường huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Đội trưởng Đội Quản lý thị trường liên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Đội trưởng Đội Quản lý thị trường chuyên ngành; Đội trưởng Đội Quản lý thị trường cơ động.

Người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra quy định ở trên được giao quyền cho cấp phó ban hành quyết định kiểm tra theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 21 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

Nghị định cũng quy định cụ thể và chi tiết về: Phương tiện làm việc của lực lượng Quản lý thị trường; Quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ của lực lượng Quản lý thị trường; Phù hiệu Quản lý thị trường, biểu tượng (lô-gô) của lực lượng Quản lý thị trường; Cờ hiệu Quản lý thị trường, Cấp hiệu Quản lý thị trường; Biển hiệu Quản lý thị trường; Trang phục Quản lý thị trường; Mẫu, quy cách trang phục Quản lý thị trường; Tiêu chuẩn, niên hạn cấp phát trang phục, biển hiệu, cấp hiệu đối với công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp; Kinh phí mua sắm, sửa chữa phương tiện làm việc, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường...

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/7/2022. Quy định về cấp hiệu Quản lý thị trường tại Điều 9 của Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Nghị định này thay thế Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường và Nghị định số 78/2019/NĐ-CP ngày 14/10/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

\* Ngày 30/5/2022, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà đã ký Văn bản hợp nhất số 03/BNV-VBHN ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

Theo đó, Thông tư hướng dẫn một số các quy định:

### Về Ban Vận động thành lập hội

Hồ sơ đề nghị công nhận Ban Vận động thành lập hội thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu (Trưởng ban) Ban Vận động thành lập hội thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động có thể lấy ý kiến các cơ quan có liên quan trước khi xem xét, quyết định công nhận Ban Vận động thành lập hội.

Ban Vận động thành lập hội tự giải thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP hoặc Quyết định cho phép thành lập hội hết hiệu lực theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

### Về tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường

Hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh báo cáo về Bộ Nội vụ và Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động. Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, trong huyện, trong xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc Sở Nội vụ nếu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền) và Sở quản lý ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã thì hội có phạm vi hoạt động trong xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Về hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ gồm: a) Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ; b) Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội. Báo cáo kiểm điểm của ban lãnh đạo, ban kiểm tra và báo cáo tài chính của hội; c) Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có); d) Danh sách dự kiến nhân sự ban lãnh đạo, ban kiểm tra, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên ban lãnh đạo, ban kiểm tra của hội. Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư này; đ) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội; e) Báo cáo số



lượng hội viên, trong đó nêu rõ số hội viên chính thức của hội; g) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của đại hội theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật (nếu có).

Về hồ sơ báo cáo đại hội bất thường, gồm: a) Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội bất thường trong đó nêu rõ nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội; b) Dự thảo những nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội; c) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội.

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận hồ sơ báo cáo đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội. Trường hợp cần lấy ý kiến cơ quan có liên quan đến ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động thì chậm nhất không quá hai mươi ngày phải có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội.

Hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

Trường hợp hội tổ chức đại hội mà không báo cáo theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Thông tư này thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP không phê duyệt điều lệ hội đã được đại hội thông qua; đồng thời có văn bản gửi các cơ quan liên quan thông báo về việc hội chưa tổ chức đại hội đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và yêu cầu hội thực hiện việc tổ chức lại đại hội đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

### **Cách tính thời hạn tổ chức đại hội**

Nhiệm kỳ đại hội của hội thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Trường hợp hội kéo dài nhiệm kỳ đại hội thì thời hạn tổ chức đại hội tiếp theo được tính từ ngày hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ mới.

Hội tổ chức đại hội bất thường để thông qua việc đổi tên thì được tính thời hạn tổ chức đại hội tiếp theo kể từ ngày hội tổ chức đại hội bất thường. Trường hợp hội tổ chức đại hội bất thường để thông qua việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội thì hội thành lập mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội được tính thời hạn tổ chức đại hội nhiệm kỳ tiếp theo kể từ ngày hội tổ chức đại hội thành lập mới.

### **Về thành lập pháp nhân và tổ chức cơ sở thuộc hội**

Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc hội hoạt động trong lĩnh vực phù hợp với điều lệ hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì hội quyết định thành lập pháp nhân và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Hồ sơ gồm: a) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có chứng thực); b) Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu (bản sao có chứng thực).

Hội thành lập pháp nhân thuộc hội không đúng quy định của pháp luật thì chịu trách nhiệm trước pháp luật; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số

45/2010/NĐ-CP có quyền yêu cầu hội ra quyết định giải thể pháp nhân và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra thù hồi con dấu.

Hàng năm, hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của các pháp nhân thuộc hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

Hội được thành lập liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội thuộc hội (gọi chung là tổ chức cơ sở thuộc hội) theo quy định của điều lệ hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP phê duyệt. Tổ chức cơ sở do hội thành lập không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng.

### **Chế độ, chính sách đối với người công tác hội**

Đối với hội có tính chất đặc thù, được cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao, hằng năm có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý biên chế việc sử dụng biên chế theo quy định. Các hội có tính chất đặc thù không phân bổ số biên chế được giao của hội cho các pháp nhân thuộc hội và các hội thành viên.

Trong trường hợp có sự điều chỉnh về thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, các hội có tính chất đặc thù lập hồ sơ điều chỉnh biên chế gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý biên chế xem xét, quyết định. Hồ sơ điều chỉnh biên chế gồm: Văn bản đề nghị, đề án điều chỉnh biên chế, xác định vị trí việc làm phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động, các tài liệu liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh biên chế của hội.

Đối với công chức được luân chuyển làm việc tại các hội theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức; chế độ, chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật về công chức.

Đối với những người được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao, chế độ, chính sách áp dụng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Đối với những người đã nghỉ hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật được bầu giữ các chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao, thì ngoài lương hưu, được hưởng thù lao từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội.

Chế độ, chính sách đối với những người công tác tại hội không thuộc hội có tính chất đặc thù quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư này thực hiện theo thỏa thuận giữa hội với người công tác tại hội, bảo đảm tương quan trong nội bộ hội và theo quy định của Bộ luật Lao động, quy định của pháp luật có liên quan.

### **Người đứng đầu hội**

Số nhiệm kỳ liên tiếp giữ chức danh người đứng đầu hội; độ tuổi, tiêu chuẩn, quy trình giới thiệu, lựa chọn để bầu người đứng đầu hội do điều lệ hội hoặc ban lãnh đạo hội quy định phù hợp quy định của pháp luật và quy định của có quan có thẩm quyền.

Nhân sự dự kiến người đứng đầu hội phải có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, trường hợp nhân sự dự kiến người đứng đầu hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc đã là cán bộ,

công chức, viên chức nhưng đã nghỉ hưu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không cần phiếu lý lịch tư pháp...

Ngoài ra, Thông tư còn thống nhất quy định về: hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ hội; đặt văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở và thay đổi lãnh đạo chủ chốt của hội; lập và lưu giữ hồ sơ tài liệu của hội; đổi tên hội; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với hội; hướng dẫn mẫu trình bày văn bản và trách nhiệm thi hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2013. Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2010/TT-BNV ngày 26/11/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

**\* Ngày 23/5, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ban hành Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục.**

Thông tư này áp dụng đối với các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông); các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm và các cơ sở giáo dục có đào tạo giáo viên (gọi chung là cơ sở giáo dục đại học); các tổ chức và cá nhân có liên quan.

### **Nguyên tắc thực hiện**

Việc áp dụng Thông tư này bảo đảm phù hợp với nhận thức, trình độ và đáp ứng nhu cầu của người học đối với từng cấp học, trình độ đào tạo.

Đối với cấp Tiểu học: Nội dung mang tính nhận biết. Đối với cấp Trung học cơ sở: Nội dung mang tính trải nghiệm. Đối với cấp Trung học phổ thông: Nội dung mang tính thực hành và định hướng về nghề nghiệp. Đối với trình độ đào tạo đại học, cao đẳng sư phạm: Nội dung tập trung vào phát triển nghề nghiệp, việc làm.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, huấn luyện khởi nghiệp được quy định tại Thông tư này phù hợp với chương trình giáo dục, đào tạo và không làm thay đổi khung thời gian năm học của các cơ sở giáo dục.

Khuyến khích xã hội hóa trong công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục theo đúng quy định của pháp luật.

Thông tư quy định rõ nhiệm vụ của công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm. Theo đó, định hướng nghề nghiệp đối với cấp tiểu học: Giáo dục học sinh nhận biết công việc, nghề nghiệp, việc làm của cha mẹ, người thân, các nghề truyền thống ở địa phương và một số nghề nghiệp cơ bản. Phát hiện, bồi dưỡng và phát triển năng khiếu cho học sinh.

Định hướng nghề nghiệp, việc làm đối với cấp trung học cơ sở: Giáo dục học sinh có ý thức, thái độ tích cực về lao động, nghề nghiệp, việc làm; hướng dẫn học sinh khám phá sở thích, năng lực, sở trường, nguyện vọng nghề nghiệp của bản thân. Tạo môi trường, tổ chức cho học sinh làm quen, trải nghiệm thực tế một số nghề nghiệp, việc làm cơ bản phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Tư vấn nghề nghiệp, việc làm đối với cấp trung học phổ thông: Cung cấp cho học sinh thông tin về các cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo và tư vấn cho học sinh về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Cung cấp cho học sinh thông tin và xu hướng phát triển của các ngành, nghề trong xã hội. Tổ chức cho học sinh tìm hiểu, trải nghiệm thực tế đối với nhóm nghề nghiệp, việc làm theo sở thích, nguyện vọng của học sinh và phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Tư vấn nghề nghiệp, việc làm đối với cơ sở giáo dục đại học: Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin việc làm, tuyển dụng, yêu cầu về kỹ năng, thái độ của các nhóm nghề nghiệp, việc làm; thông tin về nhu cầu thị trường lao động liên quan đến ngành đào tạo. Hỗ trợ sinh viên trải nghiệm, làm quen với công việc thực tế tại đơn vị đối tác; hướng dẫn sinh viên tham gia việc làm thêm phù hợp với thời gian học tập và theo quy định của nhà trường.

Hình thức triển khai của công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm là tích hợp, lồng ghép vào các môn học và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Đối với cấp trung học cơ sở: Tạo môi trường, hỗ trợ học sinh được trải nghiệm, thực hành, tìm hiểu thực tế về các nhóm ngành nghề, việc làm thông qua hoạt động tham quan, trải nghiệm tại cộng đồng, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, các đối tác tối thiểu 01 lần/năm học bảo đảm phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Đối với cấp trung học phổ thông: Tổ chức cho học sinh được trải nghiệm, thực hành đối với các nhóm ngành nghề, việc làm đã được tư vấn thông qua hoạt động tham quan, trải nghiệm tại cộng đồng, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, các đối tác tối thiểu 01 lần/năm học bảo đảm phù hợp với điều kiện của nhà trường. Tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh, tư vấn nghề nghiệp, việc làm cho học sinh, tối thiểu 01 lần/năm học.

Đối với cơ sở giáo dục đại học: Hướng dẫn sinh viên khai thác cơ sở dữ liệu thông tin tuyển dụng của các đơn vị sử dụng lao động, thông tin về nhu cầu thị trường lao động. Tổ chức ngày hội việc làm, tuyển dụng cho sinh viên, tối thiểu 01 lần/trong năm học.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 08/7/2022.

**\* Ngày 27/5, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ký ban hành Thông tư số 06/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT ngày 24/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không.**

Theo đó, Thông tư bổ sung điểm i Khoản 3 Điều 5 như sau: “i) Nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không”.

Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải cũng quyết định khung giá một số dịch vụ hàng không do doanh nghiệp có vị trí độc quyền, doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường khai thác tại cảng hàng không, sân bay, bao gồm: Dịch vụ thuê sân đậu tàu bay; Dịch vụ thuê quầy làm thủ tục hành khách; Dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý; Dịch vụ thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay; Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại các cảng hàng không, sân bay (đối với các cảng hàng không còn áp dụng phương thức



trộn gói); Dịch vụ phân loại tự động hành lý đi; Dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không; Dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không, sân bay; Nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: Nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không (Đây là các dịch vụ mới bổ sung).

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/7/2022.

**\* Ngày 31/5, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 01/2022/TT-BVHTTDL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BVHTTDL ngày 23/7/2014 quy định hồ sơ, các mẫu văn bản thực hiện giám định tư pháp; áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa; điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của văn phòng giám định tư pháp về di vật, cổ vật, quyền tác giả, quyền liên quan.**

Thông tư số 01/2022/TT-BVHTTDL sửa đổi, bổ sung Điều 5 về áp dụng quy chuẩn chuyên môn giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa.

Cụ thể, quy chuẩn giám định tư pháp về quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BVHTTDL ngày 05/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định quy trình giám định tư pháp về quyền tác giả, quyền liên quan và Thông tư số 03/2021/TT-BVHTTDL ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quy trình giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa.

Quy chuẩn giám định tư pháp đối với di vật, cổ vật thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BVHTTDL ngày 05/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định quy trình giám định tư pháp đối với di vật, cổ vật và Thông tư số 03/2021/TT-BVHTTDL ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quy trình giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa.

Quy chuẩn giám định tư pháp đối với sản phẩm văn hóa thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2019/TT-BVHTTDL ngày 03/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định quy trình giám định tư pháp đối với sản phẩm văn hóa và Thông tư số 03/2021/TT-BVHTTDL ngày 01/6/2021 bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quy trình giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa.

Giám định tư pháp về các chuyên ngành khác được thực hiện căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chuyên ngành cần giám định.

Việc giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa phải căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm xảy ra vụ việc.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 20/7/2022.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

### \* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Liên Hương, Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế (Bộ Y tế) giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Y tế.

### \* Bộ Quốc phòng:

Trung tướng Đỗ Danh Vượng đã bàn giao các mặt hoạt động công tác Đảng cho Trung tướng Lê Đức Thái, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương, Phó Bí thư Đảng ủy Bộ đội biên phòng, Tư lệnh Bộ đội biên phòng phụ trách; bàn giao các mặt hoạt động công tác chính trị cho Thiếu tướng Phùng Quốc Tuấn, Phó Chính ủy Bộ đội biên phòng phụ trách, để nghỉ chờ hưu theo chế độ.

### \* Bộ Công an:

Trung tướng, PGS. TS. Trần Vi Dân, Giám đốc Học viện Chính trị Công an nhân dân được điều động đến nhận công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an.

Thiếu tướng, PGS. TS. Phan Xuân Tuy, Hiệu trưởng Trường Đại học An ninh nhân dân được điều động đến nhận công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Học viện Chính trị Công an nhân dân.

Thiếu tướng, TS. Đoàn Minh Lý, Phó Cục trưởng Cục An ninh nội địa được điều động đến nhận công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học An ninh nhân dân kể từ ngày 01/6/2022.

Đại tá Phạm Văn Long, Giám đốc Công an tỉnh Nam Định được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát Điều tra tội phạm về Ma túy (C04), Bộ Công an.

Đại tá Nguyễn Tiến Nam, Giám đốc Công an tỉnh Quảng Bình được điều đến nhận công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ Viện trưởng Viện Khoa học hình sự.

Đại tá Nguyễn Hữu Hợp, Phó Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Bộ Công an được điều động đến nhận công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Quảng Bình.

Đại tá Trần Minh Tiến, Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Nam Định.

Đại tá Trương Minh Dương, Phó Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng.

Thượng tá Bùi Đức Thịnh, Trưởng phòng, thư ký Thứ trưởng Trần Quốc Tỏ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng.

**\* Tỉnh Thanh Hóa:**

Ông Đào Vũ Việt thôi giữ chức vụ Giám đốc Sở Xây dựng được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Thị ủy Bim Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Tiến Thuận thôi giữ chức Bí thư Thị ủy Bim Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025 được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Dân vận Tỉnh ủy.

Ông Mai Nhữ Thắng, Bí thư Huyện ủy Triệu Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn nhiệm kỳ 2021 - 2026 được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ông Phạm Tiến Dũng thôi giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường để chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Ngọc Lặc, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Lê Văn Tuấn, Bí thư Huyện ủy Ngọc Lặc thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy Ngọc Lặc, thôi giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Ngọc Lặc nhiệm kỳ 2020 - 2025, thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Ngọc Lặc nhiệm kỳ 2021 - 2026 để chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy Triệu Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025 và giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Triệu Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025.

**\* Tỉnh Thừa Thiên - Huế:**

Ông Đặng Văn Sơn, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, kể từ ngày 01/6/2022.

Ông Nguyễn Thành Nhân, Trưởng phòng Phòng Lý luận Chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, kể từ ngày 01/6/2022.

Bà Hoàng Thị Phương Hiền, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh đoàn được điều động đến nhận công tác tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, kể từ ngày 01/6/2022, giới thiệu để bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bà Hoàng Thị Thùy Linh, Trưởng ban Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh đoàn được công nhận giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh đoàn khóa XV, nhiệm kỳ 2017 - 2022.

*Nguồn: baochinhphu.vn*